

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HỒNG CÔNG

**ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN ĐỐI VỚI
NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TRONG
GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ
THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS. Trần Văn Luyện

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Hồng Công

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ	8
1.1. Khái niệm về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự	8
1.2. Căn cứ và đặc điểm áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự	19
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	27
2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự	27
2.2. Thực trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra trên địa bàn thành phố Hà Nội	42
2.3. Nhận xét về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội	56
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	67
3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội	67
3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội	73
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS : Bộ luật hình sự

BLTTHS : Bộ luật tố tụng hình sự

CQĐT : Cơ quan điều tra

TTHS : Tố tụng hình sự

TA : Tòa án

VKS : Viện kiểm sát

DANH MỤC CÁC BẢNG

2.1	Số đối tượng áp dụng biện pháp bắt tại TP Hà Nội (2012-2016)	43
2.2	Số đối tượng bị áp dụng biện pháp tạm giữ trên địa bàn TP Hà Nội (2012-2016)	45
2.3	Số đối tượng bị áp dụng biện pháp tạm giam tại TP Hà Nội (2012-2016)	48
2.4	Số đối tượng bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại TP Hà Nội (2012-2016)	51
2.5	Số đối tượng bị áp dụng biện pháp bảo lãnh tại TP Hà Nội (2012-2016)	53

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với tính chất là thủ đô của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học của cả nước. Những năm qua, thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng và Nhà nước, các cấp, các ngành và nhân dân trong toàn thành phố đã có sự đồng tâm hiệp lực, đoàn kết phấn đấu xây dựng thủ đô Hà Nội ngày càng phát triển nhanh, mạnh, vững chắc và khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - chính trị - an ninh - quốc phòng ...

Song trong sự phát triển đáng mừng đó, thực tế trên địa bàn thành phố nhiều năm qua đã ẩn chứa nhiều vấn đề cần phải quan tâm, giải quyết. Đáng chú ý là tình hình tội phạm do người chưa thành niên thực hiện với tính chất, mức độ, hành vi nguy hiểm, nghiêm trọng, ngày càng gia tăng đòi hỏi các cấp, các ngành, các lực lượng chức năng phải cùng "vào cuộc" để ngăn chặn, kiềm chế, từng bước làm giảm loại tội phạm này, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên phạm tội và góp phần bảo đảm TTATXH, phát triển KT-XH của đất nước.

Như chúng ta đã biết, sau khi đất nước giành độc lập, chính quyền cách mạng về tay nhân dân lao động, Hồ chủ tịch đã có sự quan tâm đặc biệt, yêu cầu thực hiện quyền trẻ em một cách tích cực bởi người quan niệm: "Trẻ em là tương lai của đất nước, là thế hệ kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Nhiệm vụ này được Đảng, Nhà nước và xã hội duy trì thực hiện, Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 khẳng định rõ: "Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục" [48]. Điều này cũng được thể chế hóa trong các ngành luật, văn bản pháp luật, nghị quyết, chỉ thị như: Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991, Bộ luật Hình sự năm 1999, BLTTHS năm 2003, chương trình hành động Quốc gia vì trẻ em tháng 12 năm 1991.

Tuy nhiên, tình hình phạm tội do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng, cả nước nói chung vẫn đang có nhiều diễn biến phức tạp, không chỉ gây mất trật tự an toàn xã hội mà hàng ngày, hàng giờ vẫn gây ra tâm lý hoang mang, bất ổn trong nhân dân. Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân: một bộ phận người chưa thành niên bị lôi kéo, dụ dỗ, kích động, có lối sống buông thả, a dua, có bản tính hung hăng, côn đồ... và không loại trừ yếu tố thiếu sự quan tâm, chăm sóc của gia đình, người thân. Chính vì vậy, vấn đề giáo dục thế hệ trẻ, trang bị cho các em một lối sống lành mạnh và những kiến thức pháp luật cần thiết, căn bản nhất, có tác dụng làm giảm những tác động tiêu cực tạo nên những động cơ phạm tội, đây là giải pháp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đồng thời, các ngành, cơ quan chức năng cũng chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình, biện pháp cụ thể cho việc phòng ngừa, ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội.

Trên thực tế, việc quy định và áp dụng đúng đắn các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa trong BLTTHS Việt Nam được coi là sự đảm bảo cao nhất cho quá trình phát hiện tội phạm để người phạm tội không thể tiếp tục thực hiện các hành vi phạm tội cũng như trốn tránh, cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Ở đây, một vấn đề đặt ra là việc thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa mang yếu tố nhạy cảm vì liên quan đến quyền, lợi ích của công dân, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chỗ ở, bí mật đời tư... Trong thực tiễn áp dụng pháp luật vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định, hậu quả dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm những nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, xâm phạm đến các quyền cơ bản của công dân... Vì vậy việc nắm vững những quy định trong Chương V và Chương XXXII "về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên" của BLTTHS năm 2003 là yếu tố quan trọng, cần thiết để các Điều tra viên vận dụng tốt vào thực tiễn hoạt động nghiệp vụ, tránh được những sai sót đáng tiếc xảy ra và góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm do người chưa thành niên thực hiện.

Trong những năm qua lý luận về áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong điều tra các vụ án hình sự do người chưa thành niên gây ra chưa được quan tâm nghiên cứu, đặc biệt nghiên cứu đánh giá trên một địa bàn cụ thể là thành phố Hà Nội, chính vì vậy việc nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội và thực tiễn áp dụng để làm sáng tỏ về mặt khoa học và đưa ra những giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của việc áp dụng những quy định đó không chỉ có ý nghĩa lý luận, thực tiễn và pháp lý quan trọng. Do vậy, việc chọn đề tài "***Áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội***" làm luận văn thạc sĩ là cần thiết hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Những năm gần đây, vấn đề áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên trong tố tụng hình sự Việt Nam đã được nhiều nhà khoa học nghiên cứu, tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau.

- Nhóm các giáo trình, tập bài giảng:

+ Giáo trình “Chiến thuật điều tra hình sự” Học viện cảnh sát nhân dân, năm 2013.

+ Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội.

- Nhóm những các đề tài khoa học và sách chuyên khảo như:

+ "Những điều cần biết về bắt người, tạm giữ, tạm giam..." đúng pháp luật của tác giả Phạm Thanh Bình - Nguyễn Vạn Nguyên, nhà xuất bản pháp lý năm 1990,

+ Cuốn "Các biện pháp ngăn chặn trong luật Tố tụng hình sự Việt Nam" của tác giả Nguyễn Mai Bộ, nhà xuất bản Công an nhân dân năm 1997.

+ Chuyên đề của Tòa án nhân dân tối cao về xây dựng mô hình Tòa án thân thiện với người chưa thành niên năm 2011...

- Nhóm các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ:

+ Luận án tiến sĩ của tiến sĩ Đỗ Thị Phượng về “Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội” bảo vệ tại Đại học Luật Hà Nội năm 2007.

+ Luận văn thạc sĩ “Áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Hà Tây của Cơ quan cảnh sát điều tra” của Nguyễn Văn Hoàng, bảo vệ năm 2008 tại Học viện cảnh sát nhân dân.

- Nhóm các bài viết khoa học:

+ Tác giả Lê Cẩm và Đỗ Thị Phượng với bài viết “Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên: những khía cạnh pháp lý hình sự, tố tụng hình sự, tội phạm học và so sánh luật học, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 20 năm 2004

Ngoài ra còn có nhiều bài viết đăng trên tạp chí Công an nhân dân, tạp chí Kiểm sát, tạp chí Nhà nước và pháp luật cũng tập trung phân tích, đề cập đến những khó khăn, vướng mắc, những giải pháp về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trên từng địa bàn cụ thể với những đặc trưng riêng biệt của từng địa phương.

Trước tình hình trên cho thấy, việc nghiên cứu đề tài ***"Áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội"*** trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn, góp phần đảm bảo thực hiện đúng pháp luật trong lĩnh vực này trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

**** Mục đích:***

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực trạng áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, đề tài chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế thiếu sót, đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên trong tố tụng hình sự Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội.

*** *Nhiệm vụ:***

Để đạt được mục đích trên, trong quá trình nghiên cứu tác giả tập trung giải quyết các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Làm rõ nhận thức chung về các biện pháp ngăn chặn và việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng quy định của pháp luật và việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2012 đến năm 2016.

- Đánh giá kết quả việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự được quy định trong BLTTHS trên cơ sở đó rút ra những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót trong quá trình áp dụng luật.

- Dự báo tình hình người chưa thành niên phạm tội và những yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

*** *Đối tượng nghiên cứu***

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn việc áp dụng biện pháp ngăn chặn với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội.

*** *Phạm vi nghiên cứu***

Luận văn nghiên cứu việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2012 đến năm 2016, các số liệu vụ án được nghiên cứu thuộc các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thành phố Hà Nội.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện cùng với những chính sách hình sự của Nhà nước đối với họ.

Để thực hiện các nội dung nghiên cứu, tác giả sử dụng các phương pháp: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, trực tiếp khảo sát, tổng kết kinh nghiệm, lấy ý kiến của các chuyên gia...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Làm rõ lý luận về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay.

- Khảo sát thực trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 – 2016. Trên cơ sở đó tìm ra những ưu điểm, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của hạn chế thiếu sót trong quá trình áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật tố tụng hình sự về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên trong tố tụng hình sự Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của đề tài còn có thể dùng làm tài liệu tham khảo nghiên cứu và cho cán bộ làm công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này.

- Tìm ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự và các vấn đề nghiệp vụ để đảm bảo các biện pháp đó.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự.

Chương 2: Quy định của pháp luật và thực trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự

1.1.1. Khái niệm về biện pháp ngăn chặn

Như chúng ta đã biết, trong xã hội có giai cấp thì nhà nước và pháp luật ra đời là một tất yếu khách quan của lịch sử. Ở mỗi hình thái kinh tế - xã hội khác nhau cũng tồn tại kiểu nhà nước, pháp luật tương ứng. Cho dù ở bất kỳ nhà nước nào đi chăng nữa thì mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật luôn khăng khít và tác động qua lại lẫn nhau. Nhà nước dùng pháp luật để quản lý xã hội và duy trì xã hội trong trật tự, ổn định. Còn pháp luật là sự thể hiện ý chí của giai cấp thống trị, thể hiện bản chất giai cấp sâu sắc của nhà nước. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngoài những đặc điểm chung của nhà nước còn có sự khác biệt, đó là nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, là nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Để bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được trong cuộc đấu tranh giai cấp, xây dựng xã hội mới, Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam một mặt là tổ chức chính trị hành chính, một cơ quan cưỡng chế nhưng đồng thời là một tổ chức quản lý kinh tế xã hội của toàn thể người dân lao động. Bộ máy cưỡng chế hành chính của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam là bộ máy của giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức ra để trấn áp các phần tử chống đối lại sự nghiệp đổi mới, giữ vững an ninh trật tự, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế xã hội đất nước. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân".

Để thực hiện được điều đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam có những biện pháp cưỡng chế, có bộ máy đặc biệt để cưỡng chế các hành vi xâm hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp nói trên một cách kiên quyết và mạnh mẽ. Mỗi một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam đều có tính cưỡng chế của nhà nước. Song tính cưỡng chế trong tố tụng hình sự vẫn là nghiêm khắc nhất. Vậy cưỡng chế trong tố tụng hình sự được hiểu như thế nào?

Theo tác giả Nguyễn Vạn Nguyên và Phạm Thanh Bình: *Những biện pháp ngăn chặn là những biện pháp cưỡng chế cần thiết trong tố tụng hình sự, do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án áp dụng đối với bị can, bị cáo và trong một số trường hợp được pháp luật quy định có thể áp dụng đối với cả những người chưa bị khởi tố (người bị bắt trong trường hợp quả tang hoặc trong trường hợp khẩn cấp) nhằm ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội, không để cho họ tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành vi khác gây cản trở cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án [35, tr.25].*

Về nội dung, khái niệm trên cơ bản đã nêu đầy đủ nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh; vì khi bắt người phạm tội quả tang không nhất thiết chỉ có Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án mà bất kỳ người nào trông thấy cũng có quyền bắt.

Từ những phân tích trình bày nêu trên, các biện pháp ngăn chặn được hiểu một cách đầy đủ như sau:

Các biện pháp ngăn chặn là những biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự được áp dụng đối với bị can, bị cáo và người chưa bị khởi tố về hình sự để kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, cũng như không cho họ có những hành động làm cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Các biện pháp ngăn chặn nếu được áp dụng đúng đắn sẽ có ý nghĩa rất lớn trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, điều đó được thể hiện cụ thể như sau:

- Áp dụng đúng đắn biện pháp ngăn chặn sẽ đảm bảo cho quá trình giải quyết vụ án hình sự một cách chính xác, khách quan, toàn diện không có sự oan sai đáng tiếc xảy ra.

- Áp dụng các biện pháp ngăn chặn là đảm bảo sự tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Các quy định về căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn đều nhằm đạt mục tiêu ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, không phải vì thế mà cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng một cách tùy tiện, thiếu căn cứ mà đòi hỏi phải tiến hành đúng trình tự, thủ tục và thận trọng trong hoạt động này.

- Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn còn có tác dụng góp phần bảo vệ trật tự xã hội và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân và các mối quan hệ xã hội khác cần được bảo vệ. Đồng thời, trấn áp một cách kiên quyết tội phạm xảy ra để tất cả vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

1.1.2. Khái niệm áp dụng pháp luật

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhà nước và pháp luật xuất hiện khi xã hội phát triển đến một trình độ nhất định. Pháp luật ra đời cùng nhà nước, là công cụ sắc bén để thực hiện quyền lực nhà nước, duy trì và bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị. Pháp luật được hiểu là: Hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận thể hiện ý chí giai cấp thống trị, được nhà nước bảo đảm thực hiện kể cả bằng biện pháp cưỡng chế để điều chỉnh các quan hệ xã hội, duy trì xã hội trong một trật tự có lợi cho giai cấp thống trị.

Pháp luật XHCN Việt Nam là hệ thống các quy tắc xử sự thể hiện ý chí, lợi ích của nhân dân lao động, do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, có tính bắt buộc chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện trên cơ sở kết hợp giáo dục, thuyết phục và cưỡng chế; thu hút sự tham gia tích cực của toàn xã hội và hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Áp dụng pháp luật là một trong những hình thức quan trọng của việc thực hiện pháp luật. Đó chính là hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể quan hệ pháp luật thực hiện được quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình theo quy định của pháp luật. Thông qua hoạt động áp dụng pháp luật đảm bảo cho pháp luật được tôn trọng, thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất; các quyền của chủ thể được thực hiện và được bảo vệ trên thực tế; các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm được xử lý nghiêm minh, kịp thời để bảo vệ các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Có thể nói, áp dụng pháp luật là hoạt động diễn ra hằng ngày trong các cơ quan nhà nước và chỉ do nhân viên nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

Tính chất tổ chức thực hiện quyền lực của Nhà nước của áp dụng pháp luật thể hiện ở chỗ hoạt động này chỉ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhân viên Nhà nước có thẩm quyền tiến hành, không theo ý chí của các chủ thể mà là theo quy định của pháp luật. Quyết định áp dụng quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý thi hành và được Nhà nước bảo đảm thi hành. Chính vì vậy, áp dụng pháp luật còn là một hình thức thực hiện quyền lực nhà nước trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thực hiện pháp luật là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, tạo ra cơ sở pháp lý cho hành động thực tế của các chủ thể pháp luật. Các quy phạm pháp luật rất phong phú cho nên hình thức thực hiện pháp luật được tiến hành theo những hình thức khác nhau gồm:

- Tuân thủ pháp luật: Là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật tự kiểm chế, không tiến hành những hoạt động hay hành vi mà pháp luật ngăn cấm.

- Thi hành pháp luật: Là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể tích cực thực hiện nghĩa vụ của mình theo pháp luật quy định.

- Sử dụng pháp luật: Là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể tích cực chủ động thực hiện các quyền chủ thể của mình theo pháp luật quy định.

- Áp dụng pháp luật (hiểu theo một cách khái quát) là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó Nhà nước dựa vào pháp luật để trao quyền cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các cá nhân để căn cứ vào các quy định pháp luật để ban hành các quyết định cá biệt làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt một quan hệ pháp luật cụ thể.

Quan niệm áp dụng pháp luật như vừa nêu trên được thể hiện rất rõ trong đời sống xã hội: Chẳng hạn để ngăn chặn bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội hoặc gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử thì nhà nước đã trao quyền cho Cơ quan điều tra (CQĐT), Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi thẩm quyền tố tụng của mình có quyền áp dụng các quy định của BLTTHS để ra một trong các lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam (ra văn bản áp dụng pháp luật hình sự) buộc bị can, bị cáo, người bị tình nghi thực hiện tội phạm phải chấm dứt hành vi của mình và phải chịu một hình thức cưỡng chế nhất định.

Trong các hình thức thực hiện pháp luật, thì áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật đặc biệt, vì pháp luật ở đây được thực hiện bởi các chủ thể là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền do pháp luật quy định. Theo đó cán bộ, công chức thuộc cơ quan đó có thẩm quyền áp dụng khi thực hiện công vụ. Nếu tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật và sử dụng pháp luật là những hình thức mà mọi chủ thể pháp luật đều có thể tự thực hiện thì áp dụng pháp luật là hình thức luôn có sự tham gia của Nhà nước. Áp dụng pháp luật là hình thức rất quan trọng của thực hiện pháp luật. Trong đó pháp luật tác động vào cuộc sống, vào các quan hệ xã hội để đạt được hiệu quả cao nhất, các quy định của nó đều được thực hiện triệt để, bởi vì áp dụng pháp luật luôn có sự can thiệp của Nhà nước.

Trong thực tế, nếu chỉ thông qua các hình thức thực hiện pháp luật như: Tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật và sử dụng pháp luật, thì pháp luật có

lúc không được thực hiện triệt để vì các chủ thể không tự giác thực hiện, bởi các hình thức này chỉ do các chủ thể pháp luật tự giác thực hiện mà không có sự bắt buộc thực hiện của Nhà nước. Nhưng áp dụng pháp luật chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

Thứ nhất, khi cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế bằng một chế tài thích hợp đối với những chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật. Chẳng hạn, để kịp thời gian ngăn chặn tội phạm, ngăn chặn bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội hay gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử thì các cơ quan bảo vệ pháp luật như: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án có quyền dựa vào các quy định của pháp luật Hình sự, Tố tụng hình sự để tiến hành bắt, tạm giữ, tạm giam người bị nghi thực hiện hành vi phạm tội, bị can, bị cáo để xử phạt theo pháp luật.

Thứ hai, áp dụng pháp luật khi các quyền và nghĩa vụ của chủ thể không tự phát sinh nếu không có sự tác động của Nhà nước. Trong nhiều trường hợp các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân quy định trong Hiến pháp và các đạo luật phải thông qua quyết định cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới phát sinh các quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể đối với một cá nhân. Ví dụ: CQĐT ra quyết định tạm giữ, thì mới làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ.

Thứ ba, áp dụng pháp luật khi giải quyết tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên tham gia các quan hệ pháp luật tố tụng hình sự mà họ không tự giải quyết được. Ví dụ: Viện kiểm sát áp dụng các quy định của pháp luật để ra quyết định giải quyết khiếu nại về việc bắt, tạm giữ, tạm giam khi người bị bắt, tạm giữ, tạm giam có khiếu nại của Thủ trưởng CQĐT áp dụng việc bắt, tạm giữ, tạm giam không đúng.

Thứ tư, áp dụng pháp luật trong trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải tham gia để kiểm tra, kiểm sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc cần xác nhận sự tồn tại hay không tồn tại của một sự kiện, một sự việc. Ví dụ: Viện kiểm sát ra quyết định phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm

giám, thể hiện sự nhất trí của Viện kiểm sát đối với lệnh đó, nếu không có quyết định phê chuẩn của Viện kiểm sát thì lệnh bắt bị can để tạm giam không thực hiện được.

Từ sự phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm áp dụng pháp luật như sau:

Áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật đặc thù, do cơ quan nhà nước, công chức nhà nước được trao thẩm quyền tiến hành theo một thủ tục do pháp luật quy định nhằm thực hiện các biện pháp cưỡng chế khi có hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm, khi phải giải quyết các tranh chấp về quyền của chủ thể và các nghĩa vụ pháp lý giữa các chủ thể trong một quan hệ pháp luật nhất định, hoặc khi Nhà nước thấy cần thiết phải can thiệp, cần phải tham gia nhằm bảo đảm việc thực thi trên thực tế của các chủ thể trên các lĩnh vực của đời sống xã hội theo quy định của pháp luật.

1.1.3. Giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Điều tra vụ án hình sự là giai đoạn tố tụng hình sự thứ hai mà trong đó Cơ quan Điều tra căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự và dưới sự kiểm sát của Viện kiểm sát tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thu thập và củng cố các chứng cứ, nghiên cứu các tình tiết của vụ án hình sự, phát hiện nhanh chóng và đầy đủ tội phạm, cũng như người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm tội để truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời bảo đảm cho việc bồi thường thiệt hại về vật chất do tội phạm gây nên và trên cơ sở đó quyết định: Đình chỉ điều tra vụ án hình sự hoặc là; Chuyển toàn bộ các tài liệu của vụ án đó cho Viện kiểm sát kèm theo kết luận điều tra và đề nghị truy tố bị can.

Với tính chất là một giai đoạn độc lập của tố tụng hình sự, giai đoạn điều tra vụ án hình sự có chức năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để chứng minh việc thực hiện tội phạm và người phạm tội, xác định rõ những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đồng thời kiến nghị các cơ quan và tổ chức hữu quan áp dụng đầy đủ các

biện pháp khắc phục và phòng ngừa tội phạm; Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi cơ quan (người) tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và kết thúc bằng bản kết luận điều tra và quyết định của Cơ quan Điều tra về việc đề nghị Viện kiểm sát truy tố bị can trước Tòa án hoặc đình chỉ vụ án hình sự tương ứng.

Vai trò và ý nghĩa của giai đoạn này được thể hiện trên các bình diện chủ yếu như sau:

- Một mặt, điều tra vụ án hình sự là chức năng quan trọng trong hoạt động tư pháp hình sự của cơ quan (người) tiến hành có thẩm quyền đối với mỗi hành vi phạm tội nhằm trực tiếp chứng minh hành vi phạm tội và người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm thông qua các chứng cứ đã thu thập được, đồng thời cũng là một trong những phương tiện cơ bản để thực hiện tốt nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm trong thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự, tránh bỏ lọt tội phạm;

- Mặt khác, điều tra vụ án hình sự cũng góp phần loại trừ một thái cực khác trong hoạt động tư pháp hình sự, ngăn chặn kịp thời việc thông qua quyết định khởi tố bị can một cách không thận trọng, thiếu chính xác và do vậy, có thể sẽ kéo một loạt hậu quả tiêu cực tiếp theo xảy ra trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự ở các giai đoạn tố tụng hình sự (như: Truy tố của Viện kiểm sát hoặc xét xử của Tòa án không khách quan, vô căn cứ và trái pháp luật, làm oan những người vô tội);

- Và cuối cùng, điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng hình sự cơ bản và quan trọng để tăng cường pháp chế, bảo vệ các quyền và tự do của công dân trong các giai đoạn trước khi khởi tố của Viện kiểm sát và xét xử của Tòa án, cùng với các giai đoạn tố tụng hình sự khác góp phần có hiệu quả vào cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm trong toàn xã hội.

1.1.4. Khái niệm áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra

Áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm

tội là vấn đề được nhiều nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam nghiên cứu, tiếp cận theo những góc độ khác nhau. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, pháp luật TTHS của Nhà nước ta quy định nhiều biện pháp cưỡng chế khác nhau. Những biện pháp cưỡng chế trong TTHS có nội dung tương đối rộng và cụ thể, chia thành ba nhóm:

- Nhóm 1: những biện pháp ngăn chặn tội phạm như: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh và đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo.

- Nhóm 2: gồm những biện pháp bảo đảm cho việc thu thập chứng cứ như khám xét người, khám xét chỗ ở, địa điểm nơi làm việc, khám nghiệm hiện trường, xem xét dấu vết trên thân thể...

- Nhóm 3: gồm những biện pháp bảo đảm sự thuận lợi cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án như kê biên tài sản, áp giải bị can, bị cáo, người bị kết án, dẫn giải người làm chứng, những biện pháp xử lý do thẩm phán chủ tọa phiên tòa áp dụng đối với người có hành vi vi phạm nội quy phiên tòa.

Những biện pháp ngăn chặn là một trong những nhóm của biện pháp cưỡng chế. Những biện pháp ngăn chặn mang tính cưỡng chế nghiêm khắc để kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội, ngăn ngừa người phạm tội, bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành vi gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử cũng như để đảm bảo thi hành án. Những biện pháp ngăn chặn khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân được ghi nhận Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác.

Trên cơ sở khái niệm biện pháp ngăn chặn nói chung nêu trên và các quy định về biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị lớn các các Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 86, Điều 88... BLTTHS có thể rút ra khái niệm bắt, tạm giữ, tạm giam, thay đổi biện pháp ngăn chặn, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị lớn như sau:

Khái niệm biện pháp ngăn chặn bắt:

Bắt là biện pháp ngăn chặn được quy định trong BLTTHS do người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật áp dụng đối với bị can hoặc người chưa bị khởi tố; khi có căn cứ do BLTTHS quy định, nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, cũng như không cho họ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Theo quy định của BLTTHS, biện pháp ngăn chặn bắt gồm: bắt bị can để tạm giam; bắt người trong trường hợp khẩn cấp, bắt quả tang; bắt truy nã.

Khái niệm biện pháp ngăn chặn tạm giữ:

Tạm giữ là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự, do người có thẩm quyền theo luật định áp dụng đối với những người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, trường hợp phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã, người phạm tội tự thú, đầu thú nhằm ngăn chặn tội phạm, ngăn chặn họ gây khó khăn cho việc điều tra và xử lý tội phạm được chính xác và kịp thời.

Khái niệm biện pháp ngăn chặn tạm giam:

Tạm giam là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong các biện pháp ngăn chặn quy định trong tố tụng hình sự do những người có thẩm quyền ở CQĐT áp dụng đối với bị can phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc bị can phạm tội nghiêm trọng; phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự (BLHS) quy định hình phạt tù từ trên hai năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội.

Khái niệm cấm đi khỏi nơi cư trú:

Cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự, ít nghiêm khắc hơn tạm giữ, tạm giam do người có thẩm quyền ở CQĐT áp dụng đối với bị can có nơi cư trú rõ ràng.

Khái niệm biện pháp bảo lãnh:

Bảo lãnh là một biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự do người có thẩm quyền ở CQĐT áp dụng với bị can thể hiện ở việc cá nhân hoặc

tổ chức đứng ra nhận trách nhiệm không để bị can tiếp tục phạm tội và bảo đảm sự có mặt của bị can theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng.

Khái niệm biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị lớn để đảm bảo:

Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự do người có thẩm quyền ở CQĐT áp dụng đối với bị can không để bị can tiếp tục phạm tội, bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập.

Theo quy định của BLHS thì người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự, trong đó người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý (mức cao nhất của khung hình phạt đến 15 năm tù) hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (mức cao nhất của khung hình phạt trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình); người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Tuy nhiên, người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm thần, là những đối tượng dễ bị tổn thương, là người ở lứa tuổi mà khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị hạn chế và nhiều khi còn bị tác động bởi yếu tố bên ngoài, khách quan khác. Do vậy, BLTTHS đã dành hẳn một chương riêng để quy định về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên, trong đó có quy định về các biện pháp ngăn chặn.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội như sau: *Áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra là biện pháp cưỡng chế trong TTHS do người có thẩm quyền áp dụng đối với bị can, người bị truy nã hoặc đối với những người chưa bị khởi tố (trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang) và từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi nhằm ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, ngăn ngừa*

họ tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành động cản trở cho việc điều tra vụ án hình sự.

1.2. Căn cứ và đặc điểm áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự

1.2.1. Các căn cứ áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn

- Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn

Theo quy định tại Điều 79 BLTTHS 2003, căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong hoạt động điều tra vụ án bao gồm ba căn cứ sau:

+ Để kịp thời ngăn chặn tội phạm

Có nghĩa là không để cho tội phạm xảy ra, chặn đứng được hành vi chuẩn bị phạm tội, không cho nó diễn ra trong thực tế hoặc buộc những hành vi phạm tội phải dừng lại, không để cho người phạm tội thực hiện hành vi đến cùng. Căn cứ này cho chúng ta thấy sự ràng buộc kết nối giữa BLTTHS với lý luận về tội phạm trong luật hình sự là rất chặt chẽ. Bởi trong các giai đoạn thực hiện tội phạm thì có giai đoạn chuẩn bị và trách nhiệm hình sự cũng được đặt ra ở một số tội phạm nhất định. BLTTHS quy định việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp là một chế định tương ứng với việc xác định giai đoạn chuẩn bị thực hiện tội phạm trong luật hình sự. Đó chính là tính logic phù hợp giữa luật nội dung với luật hình thức. Trong hoạt động điều tra, vận dụng căn cứ này vào việc bắt khẩn cấp, quy định tại điểm a khoản 1 điều 81 BLTTHS có ý nghĩa rất quan trọng.

+ Khi có căn cứ chứng tỏ bị can sẽ gây khó khăn cho việc điều tra

Mục đích của CQĐT là tái xác lập lại sự việc phạm tội đã xảy ra trong thực tế một cách khách quan, chính xác, đầy đủ và toàn diện, làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, các hoạt động điều tra để xác định người thực hiện hành vi phạm tội là điều cần thiết. Song thực tế những người thực hiện hành vi phạm tội lại tìm mọi cách để cản trở quá trình xác định sự thật của vụ án. BLTTHS quy định căn cứ này cho phép CQĐT được tiến hành áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với những đối tượng là bị can, có biểu hiện ra

bên ngoài như họ có thể bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ, thông cung, mua chuộc, khống chế, đe dọa người làm chứng, người bị hại. Đây là cơ sở, căn cứ để áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

+ *Khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội*

Cơ sở để áp dụng căn cứ này là những biểu hiện ra bên ngoài của bị can thông qua các dấu hiệu về nhân thân của đối tượng trước khi áp dụng biện pháp ngăn chặn, đặc điểm nhân thân của đối tượng chẳng hạn như phần tử phản cách mạng, những tên lưu manh côn đồ hung hãn, những kẻ chuyên sống bằng con đường phạm tội... Hành vi của các đối tượng này thường thể hiện là các hành vi đe dọa người làm chứng, người tố giác tội phạm... Và nguy cơ của sự đe dọa, trả thù đó có khả năng xảy ra. Trong thực tiễn, điều tra viên phải đánh giá một cách khách quan, phải có tài liệu chứng minh điều đó, để hạn chế đến mức thấp nhất sự thiếu vô tư, không dám tin tưởng vào trình độ, chuyên môn của mình mà ra các quyết định áp dụng một cách tràn lan. Trường hợp nào thấy cần thiết áp dụng thì tiến hành và ngược lại, đó là sự thể hiện bản lĩnh nghiệp vụ dám tin tưởng, dám chịu trách nhiệm trước các quyết định của mình khi áp dụng biện pháp ngăn chặn.

- ***Căn cứ hủy bỏ hay thay thế biện pháp ngăn chặn***

Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn thực chất là vấn đề mềm hóa cách xử sự trong hoạt động giải quyết vụ án hình sự, nó có lợi cho đối tượng hoặc tăng tính nghiêm khắc khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn, đồng thời làm cơ sở cho việc vận dụng chính sách nhân đạo, chiến thuật nghiệp vụ của cơ quan CSĐT.

+ Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn là việc các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định không tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người đang bị áp dụng một biện pháp ngăn chặn cụ thể. Tại Điều 94 BLTTHS quy định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn được tiến hành trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, khi vụ án bị đình chỉ khi cơ quan tiến hành tố tụng có tài liệu, chứng cứ, chứng tỏ có căn cứ quy định tại Điều 107 BLTTHS những trường

hợp không khởi tố vụ án hình sự hoặc trường hợp người bị hại có đơn yêu cầu không khởi tố vụ án hình sự theo quy định tại Điều 105 BLTTHS hoặc đã hết thời hạn điều tra mà vẫn không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm Điều 164 BLTTHS.

Thứ hai, khi CQĐT thấy việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn không còn cần thiết nữa: Là việc CQĐT xem xét những yêu cầu phục vụ cho việc điều tra như thu thập tài liệu đã đầy đủ, ý thức khai báo, thái độ thành khẩn của bị can... thì CQĐT sẽ ra quyết định hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn.

+ Thay thế biện pháp ngăn chặn là việc CQĐT áp dụng biện pháp ngăn chặn khác thay thế cho biện pháp ngăn chặn đang được áp dụng. Biện pháp ngăn chặn có thể được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác nghiêm khắc hơn hoặc ít nghiêm khắc hơn đối với người đang bị áp dụng. Thay thế biện pháp ngăn chặn phải thỏa mãn những điều kiện sau: Yêu cầu giải quyết vụ án; Thái độ chấp hành của bị can đối với biện pháp ngăn chặn đang được áp dụng.

Đảm bảo được các điều kiện này, CQĐT sẽ tiến hành thay thế biện pháp ngăn chặn. Cho phép CQĐT tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc sử dụng chiến thuật tác động lên thái độ, tâm lý, ý thức của bị can khi tiến hành điều tra vụ án. Việc thay thế biện pháp ngăn chặn do CQĐT, VKS, TA quyết định, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn nào thì có quyền quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn đó, đối với những biện pháp ngăn chặn do VKS phê chuẩn thì việc thay thế phải do VKS quyết định.

1.2.2. Đặc điểm áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội ở giai đoạn điều tra

Do những đặc điểm về tâm sinh lý của người chưa thành niên mà việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người bị tạm giữ, bị can là người chưa thành niên phải được xem xét một cách rất thận trọng, nhất là trong những trường hợp bắt, tạm giữ, tạm giam. Thực tiễn đấu tranh chống tội phạm đã chỉ ra rằng, áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người bị tạm giữ, bị can

là người chưa thành niên trong giai đoạn điều tra khi chưa thực sự cần thiết có thể gây ảnh hưởng rất lớn đến quá trình trưởng thành của họ. Khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người bị tạm giữ, bị can là người chưa thành niên trong giai đoạn điều tra thì ngoài việc phải tuân thủ các quy định tại Điều 303 BLTTHS các cơ quan có thẩm quyền còn phải đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các quy định chung nhưng không được trái với các qui định tại Điều 303 BLTTHS. Nếu xét thấy việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên là không cần thiết, có thể ra quyết định giao người bị tạm giữ, bị can là người chưa thành niên cho cha mẹ, người giám hộ của họ giám sát để bảo đảm sự có mặt của người bị tạm giữ, bị can khi có giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Tóm lại, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội ở giai đoạn điều tra có một số đặc điểm dưới đây:

Thứ nhất, biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội có đầy đủ các đặc điểm như các biện pháp ngăn chặn áp dụng trong các trường hợp chung đó là: đây là các biện pháp có mục đích kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, cũng như không cho họ có những hành động làm cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; khi áp dụng biện pháp ngăn chặn cần phải tuân thủ theo những trình tự, thủ tục rất chặt chẽ do BLTTHS quy định bởi lẽ đây là các biện pháp hạn chế một phần quyền con người, quyền công dân. Đặc điểm này cho thấy tính thống nhất của biện pháp ngăn chặn nói chung, theo đó biện pháp ngăn chặn với người chưa thành niên phạm tội là một tổng thể trong các biện pháp ngăn chặn nói chung được quy định trong BLTTHS, bao gồm 7 biện pháp ngăn chặn được quy định tại Điều 79 BLTTHS gồm bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm.

Thứ hai, biện pháp ngăn chặn với người chưa thành niên với tính chất là một đối tượng đặc biệt trong tố tụng hình sự là những chủ thể tham gia tố tụng có tâm lý, điều kiện không giống như những trường hợp bình thường

khác. Do đó, người chưa thành niên được coi là nhóm dễ bị tổn thương trong tổ tụng hình sự. Chính vì vậy biện pháp ngăn chặn với người chưa thành niên có mục đích riêng, đó là mục đích của việc áp dụng biện pháp ngăn chặn với người chưa thành niên không giống như áp dụng đối với các trường hợp khác. Người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm thần, là những đối tượng dễ bị tổn thương, đặc biệt là khi họ tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết các vụ án, do đó tùy theo lứa tuổi, mức độ trưởng thành và nhu cầu cá nhân mà họ cần được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng hình sự. Chính vì vậy khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn hạn chế quyền con người, quyền công dân đối với họ không thể không tính toán đến các yếu tố là hậu quả tác động. Bởi lẽ việc áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam... sẽ tác động tâm lý sâu sắc đến người chưa thành niên bị áp dụng. Trong quá trình bị áp dụng các biện pháp này, người chưa thành niên hình thành những tâm lý không ổn định không những không đạt được mục đích của việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, mà còn dẫn đến việc gây khó khăn cho hoạt động điều tra và khám phá tội phạm.

Thứ ba, về các biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, thông thường do đây là đối tượng đặc biệt nên các biện pháp ngăn chặn có tính cưỡng chế, hạn chế quyền con người của người chưa thành niên như tạm giữ, tạm giam không được khuyến khích áp dụng mà thông thường được áp dụng các biện pháp khác mang tính chất không hạn chế quyền hơn như: cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc các biện pháp khác để đảm bảo. Điều này đảm bảo cho người chưa thành niên phạm tội vẫn có thể sống cùng với gia đình, vẫn nhận được sự chăm sóc, quản lý và giáo dục từ phía gia đình và nhà trường để đảm bảo sự phát triển và cuộc sống bình thường nhất của họ. Thay vì tạm thời cách ly họ ra khỏi xã hội nhằm đảm bảo các mục đích của việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Đây là đặc điểm thể hiện tính nhân đạo của việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên.

Thứ tư, về điều kiện áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên không giống như các trường hợp áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với các đối tượng khác. Do đặc điểm của đối tượng áp dụng biện pháp ngăn chặn này là những người chưa thành niên có đặc điểm tâm lý, sinh lý chưa ổn định, thuộc nhóm những người dễ bị tổn thương trong tố tụng hình sự nên khi áp dụng biện pháp ngăn chặn không như những trường hợp bình thường khác. Theo quy định tại điều 88 BLTTHS thì: Tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo trong những trường hợp sau đây: Bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội rất nghiêm trọng; Bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội. Đây là những trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn bình thường. Tuy nhiên, riêng đối với người chưa thành niên phạm tội thì điều kiện áp dụng các biện pháp này lại được quy định khác theo hướng có lợi hơn cho người chưa thành niên.

Theo điều 303 BLTTHS Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu có đủ căn cứ quy định tại các điều 80, 81, 82, 86, 88 và 120 của Bộ luật này, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu có đủ căn cứ quy định tại các điều 80, 81, 82, 86, 88 và 120 của Bộ luật này, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, trong trường hợp bình thường thì việc áp dụng biện pháp tạm giam có thể là thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng, ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù trên 2 năm. Thì trong trường hợp áp dụng với người chưa thành niên phải là phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, điều kiện áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người chưa thành niên là chặt chẽ hơn, đòi hỏi cao hơn so với trường hợp người phạm tội bình thường khác.

Thứ năm, đặc điểm về thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên. Do đây là đối tượng chưa hoàn thiện về tâm lý và còn phụ thuộc vào cha mẹ và người giám hộ nên thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn với người chưa thành niên cần tuân thủ rất chặt chẽ để tránh tình trạng vi phạm quyền con người, quyền công dân của người chưa thành niên. Theo Điều 303 BLTTHS thì: “Cơ quan ra lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên phải thông báo cho gia đình, người đại diện hợp pháp của họ biết ngay sau khi bắt, tạm giữ, tạm giam”[43]. Điều này đảm bảo quyền lợi của người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp ngăn chặn được đảm bảo nhất, việc thông báo áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam với người chưa thành niên là cần thiết để đảm bảo gia đình của người chưa thành niên biết điều này, đồng thời có những biện pháp để đảm bảo quyền của người chưa thành niên khi tham gia tố tụng. Đồng thời, thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người cần càng ngắn càng tốt, khi có đủ các điều kiện thì cần hủy bỏ ngay việc áp dụng biện pháp ngăn chặn với người chưa thành niên. Bên cạnh đó một đặc điểm khác biệt so với trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn trong trường hợp thông thường đó là hạn chế việc gia hạn áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người chưa thành niên phạm tội.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở nghiên cứu chương 1 của đề tài với tên gọi “Những vấn đề lý luận về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự” có thể rút ra được một số kết luận như sau:

Một là, người chưa thành niên trong tố tụng hình sự là chủ thể đặc biệt của tố tụng hình sự, được quy định trong một chương riêng về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên. Người chưa thành niên phạm tội được hiểu là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội đang bị truy

cứu trách nhiệm hình sự, gồm người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Hai là, áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội cần phải tuân thủ theo những nguyên tắc chung nhất về điều kiện, thủ tục, trình tự áp dụng biện pháp ngăn chặn như trường hợp thông thường khác. Tuy nhiên, việc áp dụng với người chưa thành niên còn cần tuân thủ điều kiện, thủ tục được quy định riêng cho người chưa thành niên.

Ba là, nghiên cứu tìm hiểu về lý luận áp dụng biện pháp ngăn chặn với người chưa thành niên phạm tội có thể xác định được đặc điểm của biện pháp này. Gồm những đặc điểm như thủ tục chặt chẽ hơn, hạn chế áp dụng biện pháp tạm giam, chỉ áp dụng biện pháp này khi không thể áp dụng biện pháp khác... Điều này cho thấy sự khác biệt giữa áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội với áp dụng biện pháp ngăn chặn trong trường hợp thông thường.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự

2.1.1 Quy định của pháp luật tố tụng hình sự trước năm 2003

BLTTHS năm 1988 ra đời đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong lịch sử lập pháp của nước nhà. Lần đầu tiên ở Việt Nam có một bộ luật hoàn chỉnh quy định về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân, nhằm phát hiện nhanh chóng, kịp thời mọi hành vi phạm tội... Cũng trong BLTTHS này, lần đầu tiên đã có một chương riêng quy định về thủ tục đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên (Chương XXXI). Do quy định thành một chương như vậy nên các thủ tục tố tụng đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên cũng trở nên chặt chẽ hơn, không manh mún, lẻ tẻ như khi chưa có BLTTHS. Với 10 điều luật (từ Điều 271 đến Điều 280), BLTTHS năm 1988 đã quy định về các vấn đề như phạm vi áp dụng, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và giám sát đối với người chưa thành niên, việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, việc tham gia của đại diện gia đình, tổ chức xã hội và người bào chữa trong những vụ án mà bị can là người chưa thành niên. Điều 271 BLTTHS năm 1988 đã xác định rõ phạm vi áp dụng cho thủ tục tố tụng này như sau: “Thủ tục tố tụng đối với những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên được áp dụng theo quy định của Chương này, đồng thời theo những qui

định khác của Bộ luật này không trái với những qui định của Chương này”. Thể hiện rõ nhất trong Chương XXXI là quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên đã được bảo đảm. Kế thừa các qui định về người bào chữa, đại diện gia đình, tổ chức xã hội trong Thông tư số 16 TANDTC ngày 27/9/1974 của TANDTC, BLTTHS năm 1988 đã qui định một cách rõ ràng hơn, chặt chẽ hơn. Đó là: “CQĐT, VKS, TA phải yêu cầu Đoàn luật sư cử người bào chữa cho bị can, bị cáo, nếu bị can, bị cáo không tự lựa chọn được. Đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo có thể lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho bị can, bị cáo” [43]. Đồng thời bị can, bị cáo là người chưa thành niên và người đại diện hợp pháp của họ cũng có quyền: “yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa” (điểm b, khoản 2, Điều 37 BLTTHS năm 1988) đối với người bào chữa do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu Đoàn luật sư cử. Đại diện gia đình cũng phải có mặt trong khi CQĐT hỏi cung bị can và phải có mặt tại phiên tòa xét xử (Điều 276 BLTTHS năm 1988). Bên cạnh các qui định mang tính chất bảo vệ quyền lợi cho bị can, bị cáo là người chưa thành niên khi tham gia tố tụng, BLTTHS năm 1988 còn qui định trách nhiệm đối với những người tiến hành tố tụng: “Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán tiến hành tố tụng về những vụ án người chưa thành niên phạm tội phải là người có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, về khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng và chống tội phạm của người chưa thành niên” hay “thành phần Hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm nhân dân là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh”... Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện, một số qui định của BLTTHS năm 1988 đã bộc lộ những hạn chế, một số qui định trong chương này có điểm không phù hợp với các qui định chung của Bộ luật, các thuật ngữ sử dụng chưa chính xác. Bên cạnh đó là việc ra đời của BLHS năm 1999, các nhà làm luật đã nhận thấy sự cần thiết phải có một BLTTHS hoàn chỉnh hơn. Để kịp thời giải quyết những khó khăn tạm thời, BLTTHS đã tạm thời sửa đổi, bổ sung một số điều sao cho phù hợp với các đòi hỏi nêu trên. Chính vì vậy, năm 2000, BLTTHS

đã được sửa đổi, bổ sung. Trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2003 (trước khi BLTTHS năm 2003 có hiệu lực), đa số các văn bản pháp luật tập trung về việc hướng dẫn thi hành các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam và việc chấp hành án của người chưa thành niên trong trại giam. Sở dĩ phần lớn các văn bản tập trung về vấn đề này là do thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy, tình hình vi phạm pháp luật xảy ra khá nhiều ở các địa phương trong cả nước về việc tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên hay việc thi hành hình phạt tù đối với họ. Tình trạng tạm giam không đúng độ tuổi, giam chung giữa người thành niên và người chưa thành niên, không đảm bảo chế độ về học tập, lao động, sinh hoạt cho người chưa thành niên trong các trại giam. Nguyên nhân lớn dẫn đến tình trạng này là chưa có sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật TTHS. Các quy định của BLTTHS, pháp lệnh thi hành án phạt tù (1993) khá chung chung trong khi không có văn bản pháp luật hướng dẫn cụ thể. Một loạt các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật đã ra đời trong thời kỳ này, tiêu biểu cần kể đến là: Thông tư số 01/1998/TT-BVCSTE ngày 07/03/1998 Hướng dẫn hoạt động của Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp thực hiện chỉ thị 06/1998 CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ "Về việc tăng cường công tác bảo vệ trẻ em, ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động"; Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ ban hành quy chế về tạm giữ, tạm giam; Công văn số 52/1999/KHXX ngày 15/06/1999 của TANDTC về thực hiện một số quy định của BLTTHS đối với bị cáo là người chưa thành niên; Quy chế về buộc phải chịu thử thách đối với người chưa thành niên phạm tội; Nghị định 60/2000/NĐ-CP ngày 20/10/2000 của Chính phủ hướng dẫn thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ; Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/06/2002 của TANDTC về việc giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ...

Qua nghiên cứu sự phát triển của thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên trong giai đoạn từ khi ban hành BLTTHS năm 1988 đến trước khi ban hành BLTTHS năm 2003, chúng ta thấy có những mặt ưu điểm và hạn chế sau:

Về ưu điểm: Các văn bản pháp luật qui định về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên thời kỳ này đã được pháp điển hoá thống nhất tập trung trong BLTTHS năm 1988 với nội dung điều chỉnh phong phú, phạm vi xác định rõ ràng hơn. Bộ luật này đã dành hẳn một chương riêng qui định về thủ tục tố tụng đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên. Các qui định về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên đã đầy đủ, hoàn thiện, chặt chẽ hơn như các thủ tục về áp dụng biện pháp ngăn chặn, thủ tục về khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự. Qua các lần sửa đổi, bổ sung, các qui định này đã dần trở nên hoàn thiện hơn về cả nội dung và kỹ thuật lập pháp. Điều đó cho thấy sự chú trọng đến các vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên của các nhà làm luật, cũng là thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với đối tượng này.

Về hạn chế: Mặc dù được ban hành nhiều nhưng một số qui định vẫn chưa được rõ ràng, thiếu tính đồng bộ và thống nhất. Một số qui định khác còn rườm rà, không cần thiết, một số khác qui định chỉ mang tính hình thức nên thực tế khó áp dụng. Một số qui định còn mâu thuẫn, các văn bản hướng dẫn còn thiếu thống nhất, tính khả thi còn thấp, một số vấn đề để đảm bảo quyền và lợi ích cho người chưa thành niên khi tham gia tố tụng vẫn chưa được pháp luật tố tụng đề cập đến. Trước tình hình đó, việc sửa đổi, bổ sung BLTTHS cho phù hợp với tình hình thực tiễn, với công cuộc cải cách tư pháp và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người chưa thành niên là một việc làm mang tính cấp bách. Đó cũng là lý do có sự ra đời của BLTTHS sửa đổi, bổ sung năm 2003, đánh dấu một mốc quan trọng trong giai đoạn thực thi pháp luật TTHS tiếp theo.

2.1.2 Quy định của pháp luật theo quy định bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

2.1.2.1. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về bắt người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra

Bắt bị can là người chưa thành niên phạm tội để tạm giam trong giai đoạn điều tra là bắt người sau khi có lệnh tạm giam hoặc quyết định của cơ quan hoặc người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

** Bắt bị can là người chưa thành niên để tạm giam ở giai đoạn điều tra*

Căn cứ bắt bị can là người chưa thành niên phạm tội để tạm giam được quy định tại Điều 80 và Điều 303 BLTTHS. Để bắt bị can là người chưa thành niên phạm tội từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi để tạm giam phải có đủ các điều kiện sau đây: Lệnh bắt bị can để tạm giam của những người có thẩm quyền; người chưa thành niên bị bắt để tạm giam phải là bị can phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc là phạm tội đặc biệt nghiêm trọng [43].

Để bắt bị can là người chưa thành niên phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi cũng phải có đủ các điều kiện nói trên. Trong đó điều kiện thứ nhất giống như đối với người chưa thành niên phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Còn điều kiện thứ hai là, người chưa thành niên phạm tội bị bắt để tạm giam phải là bị can phạm tội nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Thẩm quyền ra lệnh bắt bị can là người chưa thành niên để tạm giam là Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp; Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trong trường hợp này lệnh bắt phải được sự phê chuẩn của Viện Kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành.

Thủ tục bắt bị can chưa thành niên để tạm giam: được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 80 BLTTHS 2003. Lệnh bắt của người có thẩm quyền phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ tên, chức vụ người ra lệnh; họ tên, địa chỉ người bị bắt, lý do bắt; lệnh bắt phải có chữ ký của người ra lệnh và phải có đóng dấu cơ quan. Người thi hành lệnh bắt phải đọc lệnh, giải thích lệnh quyền và nghĩa vụ của người bị bắt và phải lập biên bản về việc bắt. Biên bản về việc bắt phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm bị bắt, nơi lập biên bản, tình hình diễn biến khi thi hành lệnh bắt, những đồ vật bị tạm giữ, những

khieu nại của người bị bắt; phải đọc lệnh bắt cho người bị bắt và người chứng kiến cùng nghe, người thi hành lệnh bắt, người bị bắt và người chứng kiến cùng ký vào biên bản, nếu có ý kiến thắc mắc thì có quyền ghi vào biên bản.

Việc bắt bị can để tạm giam tại nơi cư trú của họ phải có đại diện chính quyền nơi người đó cư trú hoặc làm việc và người láng giềng chứng kiến. Không được bắt người vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang.

** Bắt người chưa thành niên phạm tội trong trường hợp khẩn cấp*

Bắt người chưa thành niên phạm tội trong trường hợp khẩn cấp là bắt người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm hoặc sau khi thực hiện tội phạm thì bỏ trốn, cản trở việc điều tra làm rõ tội phạm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 81 BLTTHS thì có ba căn cứ bắt người trong trường hợp khẩn cấp như sau:

- Khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

- Khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc bỏ trốn.

- Khi thấy có dấu vết tội phạm ở người hay tại chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn người đó bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 303 BLTTHS thì: chỉ được bắt khẩn cấp người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi khi người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; chỉ được bắt khẩn cấp người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng [43].

Những người có quyền ra lệnh bắt khẩn cấp: được quy định tại khoản 2 Điều 81 BLTTHS gồm: Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp; người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương; người

chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi bến cảng.

Thủ tục bắt người trong trường hợp khẩn cấp cũng được áp dụng như thủ tục bắt bị can để tạm giam nhưng có một số điểm khác:

- Lệnh bắt trong trường hợp khẩn cấp cần có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành, sau khi bắt người, việc bắt người phải được báo cáo cho Viện kiểm sát cùng cấp bằng văn bản kèm theo tài liệu có liên quan đến việc bắt khẩn cấp để xét phê chuẩn. Trong thời gian 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị xét phê chuẩn và tài liệu liên quan đến việc bắt khẩn cấp, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Nếu Viện kiểm sát quyết định không phê chuẩn thì người ra lệnh bắt phải trả tự do ngay cho người bị bắt.

- Trường hợp bắt khẩn cấp thì được bắt vào bất kỳ lúc nào không kể ban ngày hay ban đêm.

** Bắt người chưa thành niên phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã*

Bắt người chưa thành niên phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã được thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 303 BLTTHS. Theo Điều 82 BLTTHS thì chỉ được bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã khi có các căn cứ như sau

- Người đang thực hiện tội phạm thì bị phát hiện là người đang thực hiện hành vi được mô tả trong một cấu thành tội phạm cụ thể, hành vi đang diễn ra mà chưa kết thúc, có thể gây ra hoặc chưa gây ra hậu quả tác hại.

- Ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện: đây là trường hợp vừa thực hiện tội phạm xong, người phạm tội chưa kịp chạy trốn hoặc đang cất giấu công cụ phương tiện phạm tội, đang xóa dấu vết của tội phạm trước khi chạy trốn thì bị phát hiện.

- Đang bị đuổi bắt: là trường hợp người phạm tội đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện nên đã chạy trốn

và bị đuổi bắt. Trong quá trình này có sự giám sát liên tục và không bị gián đoạn về thời gian.

Bắt người đang bị truy nã: là bắt người mà cơ quan có thẩm quyền đã ra quyết định truy nã bao gồm đối tượng gây án bỏ trốn, trốn trại cải tạo, trại tạm giam, nhà tạm giữ hoặc trốn khi đang dẫn giải, trốn khi thi hành án.

Còn theo Điều 303, thì chỉ được bắt người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã trong những trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Chỉ được bắt người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Thẩm quyền bắt người chưa thành niên phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã: Bất kỳ người nào cũng có quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã.

Thủ tục bắt người chưa thành niên phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã: mọi công dân đều có quyền bắt và quyền tước vũ khí, hung khí của người bị bắt. Sau khi bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã, người bắt phải giải ngay người bị bắt đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất. Cơ quan này phải lập biên bản và giải ngay người bị bắt đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Thực tế áp dụng việc bắt người chưa thành niên phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã trong thời gian qua chủ yếu là chỉ dựa vào căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 82 BLTTHS mà không cần căn cứ vào khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 303 BLTTHS. Vì việc bắt người phạm tội quả tang thường có diễn biến cấp bách, đột xuất do đó không thể xác định ngay được độ tuổi của đối tượng. Tại cơ quan điều tra, các điều tra viên mới có điều kiện để xác minh người bị bắt đã thành niên hay chưa thành niên để làm căn cứ giải quyết. Một số trường hợp đối tượng bị bắt là người chưa thành niên nhưng lại phạm tội ít

ng nghiêm trọng hay phạm tội nghiêm trọng do vô ý thì việc áp dụng biện pháp bắt quả tang lại không đúng quy định của pháp luật. Nhưng nếu không áp dụng như trên thì hành vi thực hiện tội phạm đó sẽ không còn tính quả tang nữa và không đáp ứng yêu cầu ngăn chặn tội phạm kịp thời.

2.1.2.2. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về biện pháp tạm giữ người chưa thành niên phạm tội

Tạm giữ người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Điều 86 và Điều 303 BLTTHS 2003. Theo quy định tại Điều 86 BLTTHS, thì tạm giữ là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã nhằm ngăn chặn tội phạm, ngăn chặn người bị bắt trốn tránh việc điều tra; để xác minh tội phạm và để quyết định việc truy cứu trách nhiệm hình sự (khởi tố bị can) đối với họ. Tại thời điểm ra quyết định tạm giữ, người có thẩm quyền không thể biết chính xác người bị tạm giữ phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; do vậy, sẽ là thừa và khó thực hiện khi tại Điều 303 BLTTHS quy định: Chỉ được tạm giữ người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội nếu có đủ căn cứ quy định tại Điều 86 BLTTHS trong những trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Và chỉ được tạm giữ người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nếu có đủ căn cứ quy định tại Điều 86 BLTTHS trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

- Thẩm quyền ra lệnh tạm giữ: theo khoản 2 Điều 86 BLTTHS, những người có quyền tại khoản 2 Điều 81 BLTTHS và Chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển có quyền ra quyết định tạm giữ.

- Thủ tục tạm giữ: tại khoản 3 Điều 86 BLTTHS có quy định, trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định tạm giữ, quyết định tạm giữ này phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Nếu thấy việc tạm giữ không có căn cứ

hoặc không cần thiết thì Viện kiểm sát sẽ ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ và phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ [43]. Việc tạm giữ phải có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Quyết định này phải ghi rõ lý do tạm giữ, ngày hết hạn tạm giữ và phải giao cho người bị tạm giữ một bản. Người bị tạm giữ có quyền được biết lý do về việc bị tạm giữ, có quyền được trình bày lời khai, đưa ra yêu cầu, khiếu nại về việc bị tạm giữ và được giải thích quyền và nghĩa vụ. Do đó, khi tạm giữ người, cơ quan có thẩm quyền và người tiến hành tố tụng phải tạo điều kiện cho người bị tạm giữ được thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ.

- Thời hạn tạm giữ: theo quy định tại Điều 87 BLTTHS, thời hạn tạm giữ không được quá 3 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Trong trường hợp khẩn cấp, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá 3 ngày. Trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng cũng không được quá 3 ngày. Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị gia hạn và tài liệu liên quan đến việc tạm giữ, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn [43].

Trong thời hạn tạm giữ, nếu không đủ căn cứ khởi tố bị can thì phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Thời hạn bị tạm giữ được trừ vào thời hạn tạm giam, một ngày tạm giữ được tính bằng một ngày tạm giam.

2.1.2.3. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về biện pháp tạm giam ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với người chưa thành niên

Việc tạm giam bị can là người chưa thành niên ở giai đoạn điều tra phạm tội phụ thuộc vào độ tuổi của người chưa thành niên, loại tội phạm mà người đó thực hiện. Theo quy định tại Điều 303 BLTTHS thì chỉ được tạm giam người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi nếu có đủ căn cứ quy định tại Điều 88 BLTTHS, trong những trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Chỉ được tạm giam người từ đủ 16 tuổi đến

dưới 18 tuổi nếu có đủ căn cứ quy định tại Điều 88 BLTTHS, trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Về thời hạn tạm giam bị can là người chưa thành niên phạm tội được quy định tại các Điều 120, 166, 177, 228, 243, 250 và Điều 287 BLTTHS: Tại các Điều 120, 166, 177 BLTTHS quy định thời hạn tạm giam để điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm bị can là người chưa thành niên phạm tội phụ thuộc vào tội phạm mà bị can là người chưa thành niên bị khởi tố, truy tố. Cụ thể như sau: Thời hạn tạm giam bị can để điều tra không quá hai tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá ba tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, không quá bốn tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (Điều 120), kể từ ngày nhận hồ sơ vụ án.

Vấn đề đặt ra là trong vụ án có cả người đã thành niên, người chưa thành niên phạm tội và họ bị khởi tố, điều tra về các tội phạm khác nhau, thì thời hạn tạm giam được tính theo bị can phạm tội nặng nhất hay tính theo từng bị can về tội mà họ bị khởi tố, truy tố, bị đưa ra xét xử. Theo chúng tôi, thì thời hạn tạm giam đối với từng bị can (trong đó có cả bị can là người chưa thành niên phạm tội) được tính theo quy định về tội mà họ bị khởi tố, truy tố, bị đưa ra xét xử. Do vậy, khi thời hạn tạm giam bị can là người chưa thành niên ở giai đoạn điều tra (phạm tội nhẹ hơn) đã hết nhưng vẫn chưa ra được kết luận điều tra, thì tùy từng trường hợp cụ thể mà có thể gia hạn tạm giam bị can (phạm tội nhẹ hơn) theo quy định tại các Điều 120, 166, 177 BLTTHS.

Xung quanh việc áp dụng biện pháp tạm giam có một vấn đề được đặt ra trong thực tiễn cần nghiên cứu là có áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên phạm tội không bị tạm giam, bỏ trốn hoặc không có lai lịch rõ ràng hay không? Theo chúng tôi, thì hành vi bỏ trốn của người chưa thành niên phạm tội không bị tạm giam là hành vi trốn tránh, gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố đối với họ. Nhân thân người chưa thành niên phạm tội (không có lai lịch rõ ràng) đã chứa đựng những yếu tố

gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố và xét xử. Nếu không áp dụng biện pháp tạm giam đối với họ, thì trong một số trường hợp không thể giải quyết được vụ án. Mặt khác, đối với người bị bắt theo quyết định truy nã mà lại thả để họ lại trốn và lại truy nã thì là một vòng luẩn quẩn, tốn công, tốn của. Nhưng để có căn cứ tạm giam người chưa thành niên phạm tội trong các trường hợp này, thì cần nghiên cứu sửa đổi quy định của BLTTHS.

- Thẩm quyền ra lệnh tạm giam: Những người có thẩm quyền ra lệnh tạm giam được quy định tại Điều 80 BLTTHS có thẩm quyền ra lệnh tạm giam gồm có: Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp; Thẩm phán giữ chức vụ Chánh toà, Phó Chánh toà Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trong trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành [43].

Như vậy, trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, việc bắt tạm giam bị can để tạm giam có thể do Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra tiến hành, tuy nhiên khi áp dụng biện pháp này thì cần phải được sự phê chuẩn của VKSND cùng cấp. Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được lệnh tạm giam, đề nghị xét phê chuẩn và hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc tạm giam, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Viện kiểm sát phải hoàn trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra ngay sau khi kết thúc việc xét phê chuẩn.

- Thủ tục tạm giam: Việc tạm giam phải có lệnh của người có thẩm quyền. Sau khi ra lệnh tạm giam, cơ quan ra lệnh tạm giam phải báo cáo ngay cho gia đình người bị tạm giam biết.

Thẩm quyền gia hạn tạm giam của Viện kiểm sát được quy định như sau: Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực có quyền gia hạn đối với tội phạm ít nghiêm trọng, gia hạn tạm giam lần thứ nhất đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng. Trong trường hợp vụ án

được thụ lý để điều tra ở cấp tỉnh, cấp quân khu thì Viện kiểm sát cấp tỉnh, Viện kiểm sát cấp quân khu có thẩm quyền gia hạn tạm giam đối với tội ít nghiêm trọng, gia hạn tạm giam lần thứ nhất đối với tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng (theo điểm a khoản 3 Điều 120 BLTTHS).

2.1.2.4. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với người chưa thành niên phạm tội

Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với người chưa thành niên là biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với bị can từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có nơi cư trú rõ ràng, buộc họ không được đi khỏi nơi cư trú nếu không được phép của cơ quan có thẩm quyền, nhằm đảm bảo sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của cơ quan THTT. So với các biện pháp ngăn chặn khác như tạm giữ, tạm giam, bắt người thì biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ít nghiêm khắc hơn. Nó không tước bỏ hoặc hạn chế quyền tự do thân thể, quyền học tập, làm việc ứng cử, bầu cử của bị can mà chỉ hạn chế sự tự do đi lại trong một phạm vi nhất định.

Người có thẩm quyền ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ở giai đoạn điều tra là Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra (theo quy định Điều 80 BLTTHS). Lệnh này phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra lệnh, họ tên, chức vụ của người ra lệnh; họ tên, địa chỉ của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú và nơi họ được phép cư trú. Lệnh này được giao cho bị can một bản.

Người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú phải thông báo về việc áp dụng biện pháp này cho cơ quan xã, phường, thị trấn để quản lý, theo dõi giám sát. Trong trường hợp bị can có lý do chính đáng phải tạm thời đi khỏi nơi cư trú thì phải được sự đồng ý của chính quyền địa phương nơi người đó cư trú đồng thời phải có giấy phép của cơ quan đã áp dụng biện pháp đó. Bị can vi phạm lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú sẽ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

Bị can phải làm giấy cam đoan không đi khỏi nơi cư trú của mình và phải có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong giấy triệu tập, so với các biện pháp ngăn chặn khác như bắt người, tạm giữ, tạm giam thì biện pháp cấm đi

khỏi nơi cư trú ít nghiêm khắc hơn, nó không tước bỏ hoặc hạn chế quyền tự do thân thể, học tập, làm việc của bị can mà chỉ hạn chế sự tự do đi lại của bị can, bị cáo trong một phạm vi nhất định.

2.1.2.5. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về biện pháp bảo lãnh đối với người chưa thành niên phạm tội

Bảo lãnh đối với người chưa thành niên là biện pháp ngăn chặn được các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đối với bị can từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có nhân thân, lai lịch rõ ràng, để thay thế biện pháp tạm giam nhằm đảm bảo không để bị can tiếp tục phạm tội hoặc cản trở điều tra, truy tố, xét xử và bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của các cơ quan THTT.

Cá nhân có thể nhận bảo lãnh cho bị can. Tuy nhiên, điều kiện là: cá nhân nhận bảo lãnh phải có ít nhất hai người và là thân thích của bị can. Tổ chức cũng có thể nhận bảo lãnh cho bị can là thành viên của tổ chức mình. Khi nhận bảo lãnh, các cá nhân hay tổ chức phải làm giấy cam đoan không để bị can tiếp tục phạm tội và bảo đảm sự có mặt của bị can theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra. Khi làm giấy cam đoan, cá nhân hay tổ chức nhận bảo lãnh được thông báo về tình tiết của vụ án có liên quan đến việc nhận bảo lãnh. Cá nhân nhận bảo lãnh cho bị can phải là người có tư cách, phẩm chất đạo đức tốt, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Việc bảo lãnh phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc. Tổ chức nhận bảo lãnh thì phải có xác nhận của người đứng đầu tổ chức đó. Cá nhân hay tổ chức vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan thì phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ đã cam đoan, trường hợp này bị can sẽ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

2.1.2.6. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về biện pháp đặt tiền hoặc tài sản để đảm bảo đối với người chưa thành niên phạm tội

Đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm đối với người chưa thành niên là biện pháp ngăn chặn thay thế biện pháp tạm giam do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án áp dụng đối với bị can từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có nhân

thân, lai lịch rõ ràng, để thay thế biện pháp tạm giam nhằm đảm bảo sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của các cơ quan THTT. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình trạng tài sản của bị can mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án có thể quyết định cho họ đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo sự có mặt của họ theo giấy triệu tập và yêu cầu điều tra.

Những người được quy định tại khoản 1 Điều 80 BLTTHS có quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm. Quyết định của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra ra lệnh đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm trong giai đoạn điều tra phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Đây là điểm khác biệt của biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú trong giai đoạn điều tra do Cơ quan điều tra tiến hành với việc áp dụng biện pháp này trong các giai đoạn khác.

Cơ quan ra quyết định về việc đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm phải lập biên bản ghi rõ số lượng tiền, tên và tình trạng tài sản đã được đặt và giao cho bị can, bị cáo giữ một bản. Trong trường hợp bị can đã được Cơ quan điều tra triệu tập mà vắng mặt không có lý do chính đáng thì số tiền hoặc tài sản đã đặt sẽ được sung công quỹ Nhà nước và trong trường hợp này bị can sẽ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

Về trình tự, thủ tục mức tiền hay số tài sản phải đặt để đảm bảo việc tạm giữ, hoàn trả không hoàn trả số tiền hay tài sản đã đặt sẽ được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đây là biện pháp để đảm bảo sự có mặt của bị can là sự ràng buộc pháp lý giữa quyền và lợi ích của bị can với trách nhiệm pháp lý chứ không phải là hoạt động thế chấp, cầm cố, vì mục đích kinh tế.

Trên đây là các biện pháp ngăn chặn do cơ quan có thẩm quyền áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội nhằm ngăn chặn và phòng ngừa họ tiếp tục phạm tội hoặc gây khó khăn cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Thực hiện tốt các biện pháp này là tiền đề, cơ sở cho hoạt

động tố tụng đạt hiệu quả tránh được những vi phạm đáng tiếc xảy ra và thể hiện được tính quyền uy của Nhà nước, đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ngày càng hiệu quả.

2.2. Thực trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.2.1. Tình hình áp dụng biện pháp bắt người đối với người chưa thành niên phạm tội

Bắt người là biện pháp ngăn chặn có tính đặc thù, thường được áp dụng liền trước các biện pháp tạm giữ hoặc tạm giam. Về nội dung biện pháp này, là hạn chế quyền tự do thân thể của người bị bắt trong một khoảng thời gian nhất định, nhằm ngăn chặn kịp thời hành vi phạm tội, không để đối tượng cản trở quá trình điều tra và các hoạt động tố tụng khác. Theo quy định của pháp luật có thể chia biện pháp bắt người chưa thành niên phạm tội thành: bắt bị can, bị cáo là người chưa thành niên để tạm giam; bắt người chưa thành niên phạm tội trong trường hợp khẩn cấp; bắt người chưa thành niên phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

Thực chất, việc bắt người chưa thành niên phạm tội là việc sử dụng quyền lực để tước bỏ khả năng chống đối, gây cản trở, khó khăn cho hoạt động điều tra, đồng thời việc bắt đối tượng còn thể hiện ý chí, trách nhiệm, niềm tin và lòng dũng cảm của người thi hành lệnh bắt. Mặt khác, chúng ta biết rằng, thái độ chống đối của một số đối tượng là người chưa thành niên khi bị bắt là một quá trình tâm lý đan xen giữa gia đình, bạn bè với hành vi phạm tội, giữa mối liên hệ ràng buộc của những người đồng phạm với ý thức cá nhân. Ngược lại, trạng thái tâm lý của người THPT là ý thức kiên quyết tấn công tội phạm, là mối liên hệ giữa nhiệm vụ, niềm tin, tình cảm cá nhân, đứng trước những thử thách đó còn lựa chọn, đắn đo... Vì thế, vai trò của người THPT rất quan trọng, phải biết mình và hiểu rõ đặc điểm, tâm sinh lý... của đối tượng là người chưa thành niên để chủ động và hạn chế những hậu quả

xấu có thể xảy ra. Đó là yêu cầu của hoạt động áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên.

Bảng 2.1: Số đối tượng áp dụng biện pháp bắt tại TP Hà Nội (2012-2016)

Năm	Tổng số đối tượng bị bắt	Số đối tượng chưa thành niên bị bắt	Trường hợp bắt			
			Truy nã	Quả tang	Khẩn cấp	Tạm giam
2012	12.285	301	22	161	63	55
2013	11.018	273	38	129	74	32
2014	10.487	218	27	109	45	37
2015	8.359	193	22	96	41	34
2016	8.043	170	25	75	38	32
Tổng	50.192	1.155	134	570	267	190

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ vào số liệu thống kê ta thấy, từ năm 2012 đến năm 2016 toàn thành phố các cơ quan tiến hành tố tụng và những cơ quan, tổ chức, công dân có thẩm quyền đã bắt tổng cộng 50.192 đối tượng, trung bình mỗi năm bắt tổng số trên 10.000 đối tượng. Đối với người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, trong 5 năm từ năm 2012 đến năm 2016 đã áp dụng bắt đối với 1.155 đối tượng là người chưa thành niên, trung bình mỗi năm bắt trên 200 đối tượng. Tuy nhiên, xu hướng chung là giảm dần trong giai đoạn từ 301 đối tượng năm 2012 xuống 170 đối tượng năm 2016. Về cơ cấu áp dụng các trường hợp bắt đối với người chưa thành niên việc bắt người phạm tội quả tang chiếm tỉ lệ cao nhất, với 570 trường hợp chiếm 49,3%, tiếp sau đó là việc áp dụng biện pháp bắt khẩn cấp là 267 trường hợp chiếm 23,1%, kế tiếp là áp dụng biện pháp bắt bị can, bị cáo để tạm giam là 190 trường hợp chiếm 16,4%, cuối cùng là biện pháp bắt người chưa thành niên bị truy nã là 134 trường hợp chiếm 11,6%. Thực tế bắt người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được các cơ quan có thẩm quyền xem xét một cách thận trọng, tỉ mỉ, chính xác, tránh oan sai.

Thực tế cho thấy áp dụng biện pháp này tại thành phố Hà Nội thì việc bắt người ở một số huyện trong thành phố còn có sự lạm dụng trường hợp bắt khẩn cấp quá nhiều. Lý giải vấn đề này còn có nhiều ý kiến khác nhau. Có quan điểm cho rằng, vì tính cấp bách của sự việc đòi hỏi phải nhanh chóng, kịp thời nên cần phải xây dựng các tình tiết có tính cấp bách như việc đưa ra các thông tin về lời khai của người làm chứng hoặc gợi ý để bị can này khai về bị can khác, về tình tiết này hay tình tiết khác. Có quan điểm lại cho rằng, việc bắt khẩn cấp là đỡ phải chờ Viện kiểm sát phê chuẩn, mất thời gian mà cũng một lúc giải quyết nhiều vụ án nên bắt khẩn cấp đỡ tốn kém, thuận lợi hơn. Giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không thống nhất về hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc bắt khẩn cấp để trình Viện kiểm sát phê chuẩn, một số trường hợp Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh bắt vì hồ sơ, tài liệu không đúng và đủ yêu cầu khiến Cơ quan điều tra phải thả đối tượng và đối tượng đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra.

Việc bắt bị can, bị cáo để tạm giam mặc dù đã có sự ràng buộc của pháp luật đòi hỏi phải có chữ ký của Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát trước khi tiến hành, nhưng qua nghiên cứu và thực tiễn vẫn thấy có vấn đề nảy sinh như do Điều tra viên và Kiểm sát viên quen biết nhau, thống nhất với nhau trong khi đề xuất biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam. Do vậy, dẫn đến việc không vô tư trong hoạt động tố tụng, vi phạm những quy định tại Điều 303 BLTTHS. Việc dùng giấy triệu tập để triệu tập bị can đến cơ quan hoặc trụ sở chính quyền địa phương, sau đó tuyên bố bắt đối tượng, nên việc mời người láng giềng hoặc đại diện chính quyền địa phương chứng kiến sẽ không thực hiện được, điều tra viên tự mình hoàn tất mọi thủ tục theo trình tự pháp luật làm cho việc bắt đó không khách quan.

Việc bắt người phạm tội quả tang luôn chiếm tỷ lệ cao trong các trường hợp bắt nhưng thường do Cơ quan điều tra tiếp nhận người bị bắt hơn là từ hoạt động của mình nên hay nảy sinh sự không thống nhất giữa Viện kiểm sát với Cơ quan điều tra trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tiếp theo hoặc

lúc đầu Viện kiểm sát đồng ý nhưng sau lại không đồng ý. Việc bắt giữ người phạm tội quả tang ở các đơn vị xã, phường còn đơn giản, xem như là hình thức cảnh cáo, đe dọa, sau đó là tha thứ, không mạnh tính giáo dục cao.

2.2.2. Tình hình áp dụng biện pháp tạm giữ đối với người thành niên phạm tội

Tạm giữ là một biện pháp ngăn chặn trong TTHS được áp dụng đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang để cơ quan điều tra có đủ thời gian kiểm tra, xác minh những thông tin về tội phạm cũng như những tình tiết khác để quyết định khởi tố vụ án hình sự, trả tự do hay áp dụng biện pháp ngăn chặn khác. Hiện nay, không có quy định chuẩn mực về việc hạn chế bắt người chưa thành niên phạm tội, nhưng đòi hỏi việc bắt giữ đó không được tùy tiện và phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Theo báo cáo tổng kết công tác kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội cho thấy số người chưa thành niên bị tạm giữ từ năm 2012 đến năm 2016 như sau:

Bảng 2.2: Số đối tượng bị áp dụng biện pháp tạm giữ trên địa bàn TP Hà Nội (2012-2016)

Năm	Tổng số người bị tạm giữ	Số người chưa thành niên bị tạm giữ	Trường hợp bắt		
			Truy nã	Quả tang	Khẩn cấp
2012	11.628	245	22	160	63
2013	10.704	241	38	129	74
2014	10.055	201	27	109	65
2015	7.980	169	22	96	51
2016	7.728	138	25	75	38
Tổng	48.095	994	134	569	291

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội

Qua thống kê từ năm 2012 đến hết năm 2016, tổng số đối tượng bị tạm giữ toàn thành phố Hà Nội là 48.095 người, trong đó số người chưa thành

niên bị tạm giữ chiếm số lượng 994 người, chiếm 2,05 % tổng số người bị tạm giữ. Xu hướng chung là số người chưa thành niên tạm giữ giảm dần trong giai đoạn từ 245 trường hợp năm 2012 xuống 138 trường hợp vào năm 2016. Trong các trường hợp tạm giữ thì tạm giữ vì bắt quả tang chiếm tỉ lệ lớn nhất, 569 trường hợp, tạm giữ vì bắt khẩn cấp là 291 trường hợp, tạm giữ vì bắt truy nã là 134 trường hợp.

Thực tế áp dụng biện pháp tạm giữ trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy việc tạm giữ hình sự đối với trường hợp phạm tội quả tang do người chưa thành niên gây ra ở các nhóm tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm nhân thân, sức khỏe và xâm phạm an ninh trật tự chiếm tỷ lệ cao. Tạm giữ hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội đã tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng kiểm tra, xác minh kịp thời về vụ việc phạm tội xảy ra, trên cơ sở đó có những quyết định đúng đắn trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

So với các biện pháp ngăn chặn khác, tạm giữ là biện pháp ngăn chặn tương đối nghiêm khắc. Người bị tạm giữ sẽ bị hạn chế quyền đi lại, tự do thân thể, phải chịu sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, khi áp dụng biện pháp này đối với người chưa thành niên phạm tội, cơ quan có thẩm quyền cần nhanh chóng lấy lời khai, xác minh các tình tiết có liên quan đến hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội để làm căn cứ ra quyết định khởi tố bị can áp dụng biện pháp ngăn chặn khác hoặc trả tự do, xử lý hành chính đối với can phạm trong thời gian sớm nhất.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, việc áp dụng biện pháp tạm giữ vẫn còn một số vướng mắc như chưa phân định một cách rõ ràng giữa tạm giữ hành chính với tạm giữ tố tụng, dẫn đến việc áp dụng biện pháp tạm giữ sai đối tượng, gây ra khiếu nại, khiếu kiện kéo dài. Một số các cán bộ quản lý nhà tạm giam còn chưa được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức pháp lý, tâm lý học trẻ em, dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật như đánh đập hoặc thiếu tôn trọng người chưa thành niên...

Việc tạm giữ hình sự nhưng sau đó phải trả tự do vì không có căn cứ chứng minh tội phạm hoặc phải chuyển xử lý hành chính còn chiếm tỷ lệ cao. Có nơi vì muốn đưa tỷ lệ khởi tố trong tạm giữ hình sự cao hơn nên đã lạm dụng việc bắt và tạm giữ hành chính. Các đối tượng phạm tội lẽ ra phải bắt và tạm giữ theo thủ tục tố TTHS nhưng cơ quan điều tra đã ra lệnh tạm giữ hành chính 24 giờ, rồi sau đó hoặc phân loại xử lý hành chính để lọt tội phạm, hoặc tiếp tục ra lệnh tạm giữ theo thủ tục TTHS. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp nhưng sau đó không kịp gửi văn bản thông báo cho Viện kiểm sát để Viện kiểm sát phê chuẩn mà vẫn ra lệnh tạm giữ, hoặc sau khi ra lệnh tạm giữ nhưng không gửi hoặc có gửi nhưng gửi chậm so với quy định của pháp luật. Có trường hợp, Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp và ra lệnh tạm giữ, sau đó cần gia hạn tạm giữ mới chuyển lệnh bắt khẩn cấp và lệnh tạm giữ cho Viện kiểm sát để đồng thời xin phê chuẩn việc bắt khẩn cấp và phê chuẩn lệnh gia hạn tạm giữ.

Một thực trạng khác là Cơ quan điều tra thiếu quan tâm chỉ đạo, kiểm tra cán bộ trong hoạt động áp dụng biện pháp tạm giữ, nên để tình trạng Điều tra viên áp dụng biện pháp tạm giữ thông qua hình thức triệu tập các đối tượng có sự nghi ngờ nào đó rồi đề xuất việc tạm giữ, dẫn đến tình trạng việc tạm giữ được áp dụng không đúng đối tượng, cũng có trường hợp chưa điều tra xác minh vụ việc đã triệu tập đối tượng nghi vấn để tạm giữ lấy lời khai.

2.2.3. Tình hình áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên phạm tội

Tạm giam là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất trong các biện pháp ngăn chặn trong TTHS. Biện pháp này tước bỏ quyền tự do của con người trong một thời gian nhất định. Đây là một quy định của pháp luật có ảnh hưởng đến nhiều vấn đề khi thực hiện nó. Bởi áp dụng biện pháp này sẽ tác động đến chế độ chính sách đối với người bị áp dụng, đến quyền con người nói chung và quyền trẻ em nói riêng trong đó có người chưa thành niên phạm tội.

Thực trạng áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên phạm tội được thể hiện rõ nét nhất qua bảng thống kê dưới đây:

Bảng 2.3. Số đối tượng bị áp dụng biện pháp tạm giam tại TP Hà Nội (2012-2016)

Năm	Tổng số đối tượng bị tạm giam	Số người chưa thành niên bị tạm giam	Bắt tạm giam	Tạm giữ chuyển tạm giam	Chuyển áp dụng biện pháp khác
2012	9.366	214	55	218	65
2013	8.569	121	32	176	87
2014	8.661	146	37	154	68
2015	6.814	124	34	129	59
2016	6.340	112	32	87	47
Tổng	39.750	717	190	764	326

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân Hà Nội

Với số liệu thống kê trên, chúng ta thấy số người chưa thành niên phạm tội bị áp dụng biện pháp tạm giam là 717 đối tượng, chiếm 18,03 % trong tổng số 39.750 đối tượng trên toàn thành phố. Tỷ lệ này cao hơn so với các biện pháp ngăn chặn khác như biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp bảo lãnh.

Trong số đó có 190 đối tượng bị áp dụng trực tiếp biện pháp bắt tạm giam, khi chưa áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, số tạm giữ chuyển sang tạm giam chiếm tỉ lệ lớn nhất là 764 đối tượng.

Trên cơ sở đối tượng bị bắt để tạm giam thì việc áp dụng biện pháp này là ổn định, ít bị thay đổi biện pháp ngăn chặn. Còn số đối tượng được chuyển từ tạm giữ lên để tạm giam, thường có lý do để chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn khác hoặc trả tự do nhiều hơn. Qua đó cho thấy Cơ quan điều tra đã có chế độ quản lý theo dõi, kiểm tra đôn đốc kịp thời, kết hợp việc kiểm tra của Viện kiểm sát để duy trì chế độ tạm giữ theo quy định.

Tình trạng vi phạm thời hạn tạm giam như tạm giam quá hạn đã được chấn chỉnh. Đây là vấn đề được sự quan tâm phối hợp giữa Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra và lực lượng quản lý trực tiếp là cán bộ trại tạm giam. Cán bộ quản lý bị can đang bị áp dụng biện pháp tạm giam lập sổ theo dõi ngày nhập trại, thời hạn bị tạm giam và cả những thời gian tạm giữ được trừ nếu có để theo dõi quản lý chặt chẽ.

Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên trong thực tiễn tại thành phố Hà Nội không hề đơn giản. Có những trường hợp bị can từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội nghiêm trọng do cố ý, sau đó đủ 16 tuổi lại phạm tội ít nghiêm trọng hoặc trường hợp bị can dưới 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nhiều lần phạm tội ít nghiêm trọng nhưng không áp dụng biện pháp tạm giam được.

Ví dụ: Khoảng 22h ngày 7/6/2012, Bùi Văn Quân (sinh ngày 28/6/1996 ở 67 Điện Biên Phủ- Ba Đình) lang thang ra khu vực ga Hàng Cỏ xem ai có sơ hở thì trộm cắp. Đến 1h ngày 8/6/2012, Quân đi bộ đến nhà ông Đào Xuân Hải, sinh năm 1954 ở 8/9/42 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, thành phố Hà Nội phát hiện trong sân nhà ông Hải dựng 02 chiếc xe máy, công khóa. Quân liền trèo tường vào và quan sát thấy có chìa khóa để ở cửa sổ, mọi người trong nhà ngủ. Quân dùng chìa khóa mở công và dắt chiếc xe máy Wave Anpha trị giá 15 triệu đồng ra khỏi sân và mang đến hiệu cầm đồ ở Đội Cán cầm được 5 triệu đồng. Ngày 10/8/2012, Quân bị bắt. Cơ quan điều tra công an quận Ba Đình đã khởi tố, cấm đi khỏi nơi cư trú, giao Quân cho gia đình giám sát giáo dục. Trong thời gian ở nhà, Quân lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp. Do không áp dụng biện pháp tạm giam được, nên cơ quan Điều tra Công an quận Ba Đình tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, giao Quân cho gia đình giám sát, giáo dục.

Như vậy, trong trường hợp trên, để áp dụng biện pháp tạm giam thì phải căn cứ vào quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội, tính chất phạm tội (Ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng).

Thực tiễn áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên chưa đưng vai trò là biện pháp nghiệp vụ chưa được quan tâm, còn tùy tiện, như việc Điều tra viên đưa hồ sơ các yếu tố xác định điều kiện áp dụng bằng tài liệu thiếu chính xác, khách quan, không tuân thủ quy định của Điều 303 BLTTHS, các quy định pháp luật tương ứng thay đổi không kịp thời với tình hình thực tế.

Ngoài ra, việc thực hiện chế độ tạm giam đối với người chưa thành niên phạm tội cũng còn nhiều bất cập và hạn chế. Tại thành phố Hà Nội do điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế và do công tác quản lý giam giữ chưa tốt nên vẫn còn tình trạng giam chung người chưa thành niên với người đã thành niên dẫn đến tình trạng quyền lợi của các em chưa được bảo vệ một cách triệt để, thậm chí có trường hợp bị xâm hại đến sức khỏe, tính mạng mà các em không dám khai báo.

2.2.4. Tình hình áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với người chưa thành niên phạm tội

Khác với các biện pháp tạm giam và tạm giữ, biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú không cách ly bị can, bị cáo là người chưa thành niên ra khỏi gia đình, xã hội, họ vẫn được tiếp tục học tập, làm việc và chỉ bị hạn chế quyền tự do đi lại, cư trú trong một thời gian nhất định. Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú có ý nghĩa tác động rất lớn đến tình cảm, ý thức của người bị áp dụng, tạo điều kiện cho họ có trách nhiệm với gia đình, xã hội. Đây là một biện pháp thể hiện sự mềm dẻo của pháp luật, thể hiện tính nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong hoạt động áp dụng các biện pháp ngăn chặn này đối với người chưa thành niên phạm tội.

Thực trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú trên địa bàn thành phố Hà Nội trong những năm gần đây thể hiện qua các số liệu trong bảng thống kê sau đây:

Bảng 2.4: Số đối tượng bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại TP Hà Nội (2012-2016)

Năm	Tổng số đối tượng đã bị xử lý về hình sự (1)	Tổng số đối tượng bị cấm đi khỏi nơi cư trú (2)	Tỷ lệ (%) (2)/(1)	Số đối tượng chưa thành niên bị xử lý về hình sự (3)	Số đối tượng chưa thành niên bị cấm đi khỏi nơi cư trú (4)	Tỷ lệ (%) (4)/(3)
2012	13.581	3.185	23,45	484	234	48,34
2013	13.142	2.777	21,13	397	276	69,52
2014	12.109	2.242	18,51	288	142	49,30
2015	9.846	1.656	16,81	286	162	56,64
2016	10.213	1.968	19,26	294	182	61,90
Tổng	58.891	11.828	20,08	1.749	996	55,70

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội

Theo bảng thống kê, chúng ta thấy trong 5 năm từ 2012 đến 2016 đã có 996 người chưa thành niên phạm tội được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, chiếm 55,7 % tổng số người chưa thành niên bị xử lý về hình sự. Qua đó cho thấy các cơ quan có thẩm quyền đã quan tâm đến việc thay đổi biện pháp ngăn chặn, trong đó không áp dụng biện pháp có tính nghiêm khắc cao chuyển sang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú để cho người bị áp dụng thấy được sự khoan hồng, tính nhân đạo của nhà nước và có tác dụng động viên đối với họ.

Theo quy định tại Điều 91 BLTTHS, cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nhằm đảm bảo sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Khi áp dụng biện pháp này, bị can, bị cáo phải làm giấy cam đoan không đi khỏi nơi cư trú của mình, phải có mặt theo đúng thời gian, địa điểm ghi trong giấy triệu tập. Điều luật này cũng quy định trách nhiệm của người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và trách nhiệm của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng

biện pháp này hiệu quả thấp. Nhiều trường hợp chính quyền cơ sở không theo dõi, quản lý chặt chẽ nên dễ xảy ra việc bị can, bị cáo trốn, gây khó khăn cho quá trình THTT. Trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong việc quản lý, theo dõi bị can, bị cáo tại ngoại không rõ ràng, khi vi phạm thì khó có thể truy cứu trách nhiệm, làm hạn chế tính khả thi của biện pháp ngăn chặn này. Thời hạn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú là rất rộng thường được áp dụng khi khởi tố bị can cho đến khi chuyển hồ sơ cho Tòa án, không quy định thời hạn cụ thể, do đó, các cơ quan THTT không quan tâm. Điều luật quy định Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đều có quyền hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng rất ít trường hợp thực hiện. Một lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú có khi được sử dụng suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử; thậm chí có trường hợp lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú vẫn tồn tại đến khi bị thi hành xong hình phạt. Chỉ đến khi bị can không có mặt theo giấy triệu tập hoặc khiếu nại thì biện pháp này mới được quan tâm. Bị can do chỉ làm giấy cam đoan, nhưng không có quy định ràng buộc kèm theo nên không nâng cao trách nhiệm của họ trong việc thực hiện các nghĩa vụ đã cam đoan.

Bên cạnh đó, việc phối hợp giữa cơ quan tố tụng đã áp dụng biện pháp ngăn chặn với chính quyền cơ sở cũng chưa chặt chẽ do pháp luật mới chỉ dừng ở quy định trách nhiệm, chưa có chế tài xử lý khi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn này bỏ trốn.

2.2.5. Tình hình áp dụng biện pháp bảo lãnh đối với người chưa thành niên phạm tội

Bảo lãnh là một biện pháp ngăn chặn trong TTHS do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hay Tòa án áp dụng đối với bị can, bị cáo khi có đủ căn cứ và điều kiện do luật định. Đây là biện pháp ngăn chặn ít nghiêm khắc, để đối tượng được sống chung với cộng đồng, trong sự kèm cặp, giáo dục, quản lý giúp đỡ của người nhận bảo lãnh hoặc tổ chức đã bảo lãnh, kể cả gia đình họ.

Thực trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn thành phố Hà Nội thể hiện rõ qua các số liệu tại bảng sau:

**Bảng 2.5: Số đối tượng bị áp dụng biện pháp bảo lãnh
tại TP Hà Nội (2012-2016)**

Năm	Tổng số đối tượng bị xử lý về hình sự (1)	Tổng số đối tượng bị áp dụng biện pháp bảo lãnh (2)	Tỷ lệ (%) (2)/(1)	Số đối tượng chưa thành niên bị xử lý về hình sự (3)	Số đối tượng chưa thành niên bị áp dụng biện pháp bảo lãnh (4)	Tỷ lệ (%) (4)/(3)
2012	13.581	816	6,00	484	125	25,82
2013	13.142	640	4,86	397	116	29,21
2014	12.109	569	4,69	288	89	30,90
2015	9.846	745	7,56	286	97	33,91
2016	10.213	859	8,41	294	76	25,85
Tổng	58.891	3.629	6,16	1.749	503	28,7

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội

Theo báo cáo tổng kết công tác kiểm sát của Viện kiểm sát thì biện pháp bảo lãnh có được áp dụng song không nhiều, khoảng 503 trường hợp trong tổng số 1.794 đối tượng người chưa thành niên bị xử lý hình sự, chiếm hơn 28,7 %. Khi áp dụng biện pháp này chủ yếu là giao cho gia đình quản lý giáo dục và thực hiện trên cơ sở tự nguyện của người nhận bảo lãnh khi hoàn cảnh gia đình có tình huống nào đó, hoặc dịp tết cổ truyền nên mong muốn con em mình được đoàn tụ cùng gia đình.

Trong những năm qua, tại thành phố Hà Nội biện pháp ngăn chặn bảo lãnh thường chỉ được áp dụng sau khi đã tạm giam, hết thời hạn tạm giam, xét thấy không cần thiết phải gia hạn và có đơn xin bảo lãnh của gia đình hay của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý đối tượng. Trong thực tế ngay sau khi bắt (bao gồm cả bắt quả tang, bắt khẩn cấp, bắt tạm giam và bắt truy nã), cơ quan tố tụng thường tạm giữ, tạm giam luôn và ít khi sử dụng các biện pháp bảo lãnh hay cấm đi khỏi nơi cư trú để thay thế tạm giam.

Điều 92 BLTTHS quy định về bảo lãnh nhưng chưa đầy đủ về điều kiện áp dụng. Do vậy, khi áp dụng biện pháp này dễ dẫn đến tùy tiện, có thể nảy

sinh những tiêu cực hoặc thiếu vô tư của người có thẩm quyền áp dụng. Về điều kiện của người nhận bảo lãnh cũng phải được ghi nhận vào điều luật để làm căn cứ xét cho áp dụng biện pháp bảo lãnh, nhưng vấn đề này chưa có tài liệu hướng dẫn chính thống. Dẫn đến tình trạng áp dụng biện pháp này không thống nhất vì sự cả nể, hoặc vì lý do khác... Mà theo quy định người nhận bảo lãnh phải có ít nhất là hai cá nhân có đủ năng lực, phẩm chất để quản lý, giáo dục được bị can là người chưa thành niên mới đảm bảo. Hơn nữa phải có trách nhiệm pháp lý ràng buộc họ với hoạt động này tránh tùy tiện, thiếu trách nhiệm sau khi được bảo lãnh. Về việc tổ chức đứng ra bảo lãnh, phải làm rõ trách nhiệm chính thuộc về ai trong tập thể đó đứng ra? Không thể áp dụng hình thức chia đều được, đây là vấn đề phức tạp, dựa vào uy tín của người đứng đầu trong tập thể thì họ ngại trách nhiệm cá nhân hoặc vì lý do khác từ chối...

Bên cạnh đó, một vấn đề nữa cũng cần xem xét đó là ghi nhận thêm điều kiện: bảo lãnh được áp dụng khi có sự đồng ý của bị can, bị cáo. Bởi vì, Điều 92 BLTTHS chỉ quy định đáp ứng căn cứ và những điều kiện khác, nhưng không đề cập đến sự đồng ý của bị can, bị cáo khi áp dụng biện pháp ngăn chặn này. Vậy nếu trường hợp bị can, bị cáo không đồng ý việc nhận bảo lãnh của cá nhân, tổ chức đó thì sao? Vì ở một góc độ nào đó, nếu không có sự đồng ý của bị can, bị cáo thì bảo lãnh sẽ đạt hiệu quả thấp. Sự tự do ý chí của hai phía - bị can, bị cáo và người nhận bảo lãnh là hoàn toàn cần thiết cho việc thực hiện bảo lãnh.

2.2.6. Tình hình áp dụng biện pháp đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm đối với người chưa thành niên phạm tội

Đặt tiền hoặc tài sản để đảm bảo là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng buộc một người phải đưa ra lợi ích kinh tế hiện có của mình để gắn trách nhiệm với hoạt động tố tụng hình sự bảo đảm cho việc không gây khó khăn cản trở quá trình điều tra hoặc có thể bỏ trốn. Đây là một trong những biện pháp ngăn chặn mới có ở Việt Nam khi BLTTHS ra đời.

Ngày 14/11/2013, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài

chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch số 17/2013/TTLT-BTP-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn về việc đặt tiền để đảm bảo theo quy định tại Điều 93 BLTTHS.

Theo đó, Thông tư liên tịch này áp dụng đối với bị can, bị cáo đang bị tạm giam, các cơ quan THTT, người THTT, cơ sở giam giữ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Khi áp dụng biện pháp đặt tiền để đảm bảo thì cơ quan THTT phải cân nhắc đầy đủ các điều kiện về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình trạng tài sản của bị can, bị cáo; trên cơ sở bảo đảm hiệu quả ngăn chặn để quyết định việc áp dụng biện pháp đặt tiền để đảm bảo thay thế cho biện pháp tạm giam.

Việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm khi có đủ các điều kiện sau đây: bị can, bị cáo phạm tội lần đầu; có nơi cư trú rõ ràng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị can, bị cáo có khả năng về tài chính để đặt bảo đảm theo quy định. Đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần mà không có hoặc không đủ tiền để đặt bảo đảm thì xem xét đến khả năng tài chính của người đại diện hợp pháp của họ; có căn cứ xác định, sau khi được tại ngoại, bị can, bị cáo sẽ có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan THTT và không tiêu hủy, che giấu chứng cứ hoặc có hành vi khác cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử; việc cho bị can, bị cáo tại ngoại không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự.

Ngoài việc đảm bảo có đủ các điều kiện nêu trên, bị cáo còn phải không thuộc một trong các trường hợp sau: Phạm một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh; phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; phạm tội rất nghiêm trọng thuộc loại tội phạm về ma túy, tham nhũng, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội cướp tài sản, chiếm đoạt tài sản; bị tạm giam trong những trường hợp bị bắt theo lệnh, quyết định truy nã; bị can, bị cáo là người phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; là người nghiện ma túy; là người

tổ chức trong trường hợp phạm tội có tổ chức, hành vi phạm tội gây dư luận xấu trong nhân dân.

2.3. Nhận xét về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.3.1. Những ưu điểm đạt được

Biện pháp ngăn chặn là biện pháp cưỡng chế trong TTHS được áp dụng đối với bị can, bị cáo, người đang bị truy nã hoặc đối với những người chưa bị khởi tố nhằm ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành động gây cản trở cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Khi áp dụng biện pháp ngăn chặn sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản khác. Nhà nước đã có chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, chủ yếu là giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên sửa chữa sai lầm, tạo điều kiện cho họ phát triển lành mạnh để trở thành công dân có ích cho xã hội. Thực tiễn áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong TTHS của các cơ quan có thẩm quyền ở thành phố Hà Nội đã góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tội phạm do người chưa thành niên thực hiện và góp phần giữ vững an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

Trước hết, về nhận thức lý luận các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong TTHS. Đây là cội nguồn của vấn đề, là nội dung có ý nghĩa quyết định đến kết quả hoạt động thực tiễn, là căn cứ để hoạt động, là chỗ dựa vững chắc cho hoạt động thực tiễn đa dạng phong phú.

Quá trình định hướng hoạt động của con người trên cơ sở giải quyết mối quan hệ biện chứng của các yếu tố: đối tượng- phương pháp- mục đích xác định đối tượng, cho phép ta sử dụng, lựa chọn đúng phương pháp và nhằm đạt tới đích đã định. Nhận thức đó đã góp phần chỉ đạo hoạt động các biện pháp ngăn chặn. Năm vững, hiểu được các quy định của luật TTHS, chính là chúng ta nắm được phương pháp, phương tiện để thực hiện. Con

người- yếu tố cơ bản của quá trình thực hiện này chính là các cán bộ, công chức của các Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án.

Những năm qua đội, ngũ cán bộ công chức có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn trên địa bàn thành phố Hà Nội đã từng bước được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ đề ra, được nghiên cứu để nắm vững kiến thức pháp luật nói chung và việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên nói riêng. Kết quả hoạt động áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên hiện nay là khá cao, hạn chế được sai phạm. Hoạt động này được thực hiện do sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo và trên cơ sở nắm vững và hiểu đúng những quy định của pháp luật người chưa thành niên.

Về hoạt động thực tiễn thể hiện kết quả của quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy đã có sự phối kết hợp giữa các cơ quan THTT kịp thời, trên cơ sở tuân thủ pháp luật, hạn chế sự phối hợp mang tính chất thỏa thuận. Do vậy, nó thể hiện được vai trò độc lập, tuân theo pháp luật, cùng thảo luận những vướng mắc để đưa ra cách xử lý đúng đắn, sát thực.

Riêng đối với người chưa thành niên phạm tội, những năm gần đây việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với đối tượng đặc biệt này đã đi dần sát và đúng tinh thần của BLTTHS, chỉ áp dụng các biện pháp ngăn chặn tức tợ do đối với người chưa thành niên phạm tội khi thật cần thiết, còn trong những trường hợp có thể áp dụng các biện pháp như bảo lãnh và cấm đi khỏi nơi cư trú mà vẫn đảm bảo được tiến trình điều tra, truy tố, xét xử thì người chưa thành niên vẫn được ưu tiên áp dụng các biện pháp ngăn chặn không tức tợ do.

Bên cạnh những ưu điểm và kết quả đã đạt được trong quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn thành phố Hà Nội như đã trình bày trên thì vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu sót này đang làm cản trở hiệu quả áp dụng trong thực tế.

2.3.2. Những mặt hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân

- Hạn chế, thiếu sót trong việc áp dụng biện pháp bắt người chưa thành niên phạm tội

+ Việc bắt người ở một số địa bàn trong thành phố Hà Nội, lực lượng tiến hành bắt còn có sự lạm dụng trường hợp bắt khẩn cấp. Lý giải vấn đề này còn có nhiều quan điểm khác nhau: Có quan điểm cho rằng, vì tính cấp bách của sự việc đòi hỏi phải nhanh chóng, kịp thời như việc đưa ra các thông tin về lời khai của người làm chứng, hoặc gợi ý để bị can này khai về bị can khác, về tình tiết này hay tình tiết khác. Quan điểm khác lại cho rằng, việc bắt khẩn cấp là đỡ phải chờ Viện Kiểm sát phê chuẩn, mất thời gian mà cùng một lúc còn phải giải quyết nhiều vụ việc nên bắt khẩn cấp sẽ thuận lợi hơn, dễ làm hơn. Nhưng lý giải như thế nào đi chăng nữa thì đó là sự lạm dụng trường hợp bắt khẩn cấp, mặc dù có bắt đúng đối tượng nhưng lại sai quy định ở Điều 303 BLTTHS.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 81 BLTTHS: "Khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng" thì việc bắt khẩn cấp là cần thiết vì khi có sự việc xảy ra như vậy không ai dám chắc là hậu quả tác hại không xảy ra. Nhưng tại điểm b, c khoản 1 Điều 81 BLTTHS lại quy định: "Xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó bỏ trốn...". Tình huống này quy định chưa chắc chắn và rõ nét vì như thế nào là "Xét thấy?" cho nên khi áp dụng trường hợp này Điều tra viên và những người tiến hành tố tụng rất dễ dàng ghép ý chủ quan của mình vào trong đó nên dễ xảy ra tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp.

Ví dụ: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10 tháng 7 năm 2016, Nguyễn Đức Thái, sinh ngày 18/9/1998; Nguyễn Văn Tuấn, sinh ngày 29/02/2000, đều trú tại xã Canh Nậu, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, đi trên đường trong xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội, khi đi qua nhà bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1952 thuộc thôn 7 xã Phùng Xá, phát hiện thấy một chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S5 trị giá 6 triệu đồng để trên mặt bàn uống nước;

Thái và Tuấn lên vào nhà bà Lan lấy chiếc điện thoại đặt trên mặt bàn rồi ra về. Ngày 13/7/2016, CQĐT triệu tập Thái và Tuấn đến CQĐT làm rõ hành vi phạm tội và tiến hành thu giữ tang vật và ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Thái và Tuấn để ngăn chặn Thái và Tuấn bỏ trốn, nhưng CQĐT không có tài liệu chứng minh đối tượng có dấu hiệu bỏ trốn mà chỉ là ý chí chủ quan của điều tra viên “xét thấy” nên đề xuất bắt khẩn cấp.

Như vậy, trường hợp trên, để áp dụng biện pháp bắt khẩn cấp thì phải xác định căn cứ nếu không bắt giữ thì đối tượng sẽ bỏ trốn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 81 BLTTHS (Xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó bỏ trốn)

+ Việc bắt bị can để tạm giam: Mặc dù đã có sự ràng buộc vào quy định của pháp luật yêu cầu phải có sự phê chuẩn của Viện Kiểm sát trước khi thi hành, nhưng qua nghiên cứu thực tế và số liệu thống kê thấy vẫn có một số bất cập về tỷ lệ số lượng bị can bị bắt để tạm giam thấp hơn so với thực tế. Nguyên nhân là do có trường hợp bị can chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không gây cản trở hoạt động điều tra hoặc hành vi của những bị can đó thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng nên được áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác.

Vấn đề này đang nảy sinh một số sai phạm có thể gặp phải: Giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên thụ lý vụ án đã thống nhất với nhau trong khi đề xuất áp dụng biện pháp ngăn chặn. Do vậy dẫn đến việc thiếu vô tư, khách quan trong hoạt động tố tụng và vi phạm đến những quy định tại Điều 303 BLTTHS. Trường hợp dùng giấy triệu tập để triệu tập bị can đến cơ quan hoặc đến trụ sở chính quyền địa phương, sau đó tuyên bố bắt đối tượng, dẫn đến việc mời người láng giềng hoặc người đại diện chính quyền địa phương chứng kiến sẽ không được thực hiện, Điều tra viên tự mình hoàn tất mọi thủ tục theo trình tự pháp luật làm cho việc bắt đó không còn đảm bảo tính khách quan.

+ Việc bắt người phạm tội quả tang luôn chiếm tỷ lệ cao trong các trường hợp bắt, song nó cũng nảy sinh những vấn đề cần phải bàn đó là: Việc

Cơ quan điều tra thường tiếp nhận người bị bắt nhiều hơn là từ hoạt động của mình, từ đó liên quan đến nhiều vấn đề đi kèm như sự không thống nhất giữa Cơ quan điều tra với Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn tiếp theo. Việc bắt người phạm tội quả tang thường có diễn biến cấp bách, đột xuất do đó không có điều kiện xác định ngay độ tuổi của đối tượng vi phạm, vấn đề này BLTTHS cần có quy định cụ thể khi thực hiện. Khi đối tượng vi phạm bị bắt giữ, thường những người có uy tín trách nhiệm không có mặt kịp thời nên hay xảy ra tình trạng đánh đập người bị bắt làm ảnh hưởng đến tính mạng sức khỏe của họ. Việc bắt giữ người phạm tội quả tang ở các đơn vị xã phường còn đơn giản, xem như là hình thức cảnh cáo, dọa nạt, sau đó là tha thứ bỏ qua... không mang tính giáo dục cao.

Từ việc phân tích những vấn đề nêu trên cho thấy những vướng mắc trong việc bắt người trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian qua đó là:

Việc bắt người chưa thành niên phạm tội chưa gắn kết nhiều với hoạt động điều tra và sự quá tải ở nhà tạm giữ, trại tạm giam.

Xác định căn cứ để áp dụng các trường hợp bắt cụ thể còn lúng túng có lúc, có nơi còn lạm dụng việc bắt khẩn cấp, chưa đảm bảo việc tuân thủ theo những quy định của Điều 303 BLTTHS.

Thủ tục có liên quan đến việc bắt người chưa thành niên chưa được quan tâm đúng mức, chưa có quy định cụ thể, thủ tục cho việc áp dụng bắt loại đối tượng này.

Chưa có sự bắt nhịp kịp thời với những quy định của pháp luật trong Bộ luật Hình sự, BLTTHS, Luật bảo vệ chăm sóc trẻ em, Công ước Quốc tế về quyền trẻ em của Liên Hợp Quốc...

- Hạn chế, thiếu sót đối với biện pháp tạm giữ với người chưa thành niên phạm tội

Việc tạm giữ hình sự còn chưa phân định một cách rõ ràng, còn biểu hiện hình sự hóa các sự việc, đặc biệt ở cấp huyện một số trường hợp còn lấy việc tạm giữ là một hình thức "nấn gân, cảnh cáo" đối tượng hoặc lấy tạm giữ

để thay cho việc điều tra, xác minh bằng hoạt động điều tra khác. Thực trạng này dẫn đến việc áp dụng biện pháp tạm giữ sai đối tượng và có thể dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo.

Một thực trạng khác nữa là do Cơ quan điều tra các cấp thiếu quan tâm, chỉ đạo, kiểm tra các cán bộ điều tra trong hoạt động áp dụng biện pháp tạm giữ nên dễ xảy ra tình trạng Điều tra viên áp dụng biện pháp tạm giữ thông qua hình thức triệu tập các đối tượng có sự nghi ngờ nào đó rồi đề xuất việc tạm giữ.

Vấn đề giam, giữ người chưa thành niên với đối tượng đã thành niên đã được khắc phục. Tuy nhiên do việc tạm giữ, tạm giam nhiều người tập trung vào một phòng sẽ gây ra tình trạng vệ sinh môi trường không đảm bảo làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người bị tạm giữ. Bên cạnh đó, vẫn còn có một số đơn vị bố trí sắp xếp cán bộ quản lý nhà tạm giữ là những người năng lực còn hạn chế, thiếu kiến thức pháp luật về người chưa thành niên hoặc lơ là trách nhiệm nên dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật như không cho họ được hưởng một số chế độ theo quy định, xử lý các hình thức phạt một cách tùy tiện...

- Hạn chế, thiếu sót đối với biện pháp ngăn chặn tạm giam với người chưa thành niên phạm tội

+ Về nhận thức, tư tưởng của cán bộ cơ quan áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên là phải xác định đúng mục đích yêu cầu nhằm ngăn ngừa bị can tiếp tục phạm tội hoặc gây khó khăn cho hoạt động điều tra, không vì mục đích trừng trị, hoặc là biện pháp làm trong sạch địa bàn để xem xét thi đua. Tránh tư tưởng lấy việc bắt tạm giam là tạo điều kiện cho hoạt động điều tra dẫn đến sự quá tải, không đảm bảo quy chế tạm giam đối với người chưa thành niên.

+ Cần phải nắm vững những quy định của pháp luật về người chưa thành niên, đồng thời xác định thiết chế tương ứng đi kèm để vận dụng đúng và đủ. Thực tế, việc áp dụng biện pháp này còn tùy tiện, không trên cơ sở

những quy định của điều luật mà các chủ thể tiến hành đã tạo ra những lý do để áp dụng, dựa vào ý thức cá nhân chưa tôn trọng thực tế khách quan vốn có của tài liệu. Đây là việc Điều tra viên đưa vào hồ sơ các yếu tố xác định điều kiện áp dụng bằng tài liệu thiếu chính xác, khách quan, không tuân thủ quy định của Điều 303 BLTTHS, các quy định pháp luật tương ứng thay đổi không kịp thời với tình hình thực tế.

Tóm lại, việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên phạm tội trong quá trình giải quyết vụ án hình sự là một điều cần thiết. Song bên cạnh những kết quả đạt được, Cơ quan điều tra của thành phố Hà Nội phải nâng cao hơn nữa hiệu quả tác dụng của biện pháp ngăn chặn, đặc biệt là biện pháp tạm giam để khắc phục những hạn chế như đã nêu trên.

- Hạn chế, thiếu sót về biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với người chưa thành niên phạm tội.

+ Những tồn tại về mặt pháp lý: Trong điều luật chưa quy định một cách chặt chẽ đầy đủ về căn cứ, thủ tục áp dụng cũng như mối quan hệ phối hợp trong việc giám sát thực hiện biện pháp này, chẳng hạn như sự phối hợp giám sát theo dõi, quản lý đối tượng tại địa phương như thế nào, thông tin cung cấp lưu hồ sơ ra sao, trách nhiệm phải cụ thể rõ ràng. Không thể quy định một cách chung chung "Bị can, bị cáo phải làm giấy cam đoan không đi khỏi nơi cư trú của mình, phải có mặt theo giấy triệu tập". Do vậy, trong quá trình áp dụng biện pháp ngăn chặn, Điều tra viên hoàn tất các thủ tục pháp lý đề nghị áp dụng biện pháp này dễ nảy sinh tư tưởng e ngại, lúng túng, sợ bị hiểu nhầm.

+ Những tồn tại trong thực tiễn áp dụng.

Xuất phát từ thực tế xác định việc tại ngoại, các cách giải thích chưa được đầy đủ, đúng đắn, cho nên cơ quan áp dụng có tư tưởng thả nổi đối tượng hoặc xem đó là một sự hàm ơn, ban phát từ đó nảy sinh các sai phạm trong hoạt động tổ tụng.

Nơi cư trú được hiểu theo nhiều cách cắt nghĩa khác nhau, đồng thời việc xác định nơi cư trú theo địa giới hành chính cũng có sự bất cập. Khi họ ở nơi giáp ranh giữa huyện này với huyện khác, thậm chí tỉnh khác... thì giải quyết như thế nào?

Nơi cư trú là nơi người đó được đăng ký hộ khẩu thường trú, hay tạm trú lâu dài. Đây là vấn đề do điều kiện kinh tế - xã hội mà hiện nay đang được quan tâm. Nhiều hộ gia đình sống đã hàng chục năm mà chưa được đăng ký hộ khẩu, vì vậy mối quan hệ ràng buộc giữa người đó với chính quyền địa phương sẽ chưa được phát huy tốt.

Nếu giới hạn nơi cư trú ở phường, xã, thị trấn thì chẳng lẽ người bị áp dụng biện pháp này chỉ được tự do đi lại sinh hoạt trong phạm vi nhỏ hẹp đó hay sao? Có quan điểm khác lại cho rằng nơi cư trú là quận, huyện... Vậy thì địa giới hành chính có ý nghĩa như thế nào, việc xác định phạm vi họ được tự do đi lại trong đó.

Các vi phạm nghĩa vụ cam kết của bị can sẽ được coi là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thay đổi áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nghiêm khắc hơn. Song thực tế phải xác định theo điều kiện của sự vi phạm đó đến giới hạn của việc cần ngăn chặn. Họ phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý của công dân vào thời điểm đó được xác định thế nào?

- Hạn chế, thiếu sót đối với biện pháp bảo lãnh áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

+ Những tồn tại trong quy định của pháp luật: Điều 92 BLTTHS quy định về bảo lãnh nhưng chưa đầy đủ về điều kiện áp dụng. Do vậy khi áp dụng biện pháp dễ dẫn đến tùy tiện, có thể nảy sinh những tiêu cực hoặc thiếu khách quan vô tư của Điều tra viên.

Về điều kiện của người nhận bảo lãnh cần phải được ghi vào điều luật để làm căn cứ xét cho việc áp dụng biện pháp bảo lãnh, nhưng vấn đề này chưa có tài liệu hướng dẫn cụ thể nên dẫn đến tình trạng ở chỗ này, chỗ kia còn áp dụng vì sự cả nể, hoặc lý do khác... Mà theo quy định người nhận bảo

lĩnh phải có ít nhất là hai cá nhân có đủ năng lực, phẩm chất để quản lý, giáo dục bị can là người chưa thành niên mới đảm bảo. Hơn nữa phải có trách nhiệm pháp lý để ràng buộc họ đối với hoạt động này tránh tùy tiện, thiếu trách nhiệm sau khi được bảo lãnh.

Về trách nhiệm cá nhân, khi cá nhân vi phạm cam kết họ không quản lý, giám sát, giáo dục được bị can để bị can gây khó khăn, cản trở cho hoạt động điều tra hoặc tiếp tục phạm tội thì cần có văn bản hướng dẫn để thi hành,...

+ Những tồn tại trong thực tế áp dụng: Việc áp dụng biện pháp này tạo ra mối quan hệ rất phức tạp, sự giám sát điều chỉnh mối quan hệ này rất khó khăn, bên cạnh đó cộng đồng dân cư hoặc cá nhân, tổ chức đứng ra bảo lãnh chưa thực sự hiểu được quy định của pháp luật về người chưa thành niên, đặc điểm tâm sinh lý của người chưa thành niên. Thực tế nhiều nơi đã có trường hợp lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức, vì mục đích cá nhân trong việc này.

Một thực tế khác cho thấy là khi người nhận bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ cam kết để bị can bỏ trốn chẳng hạn, vậy vấn đề kinh phí cho việc truy bắt bị can đó ai chi trả? hay lại đặt vào vai trò của Nhà nước. Do vậy, có thể buộc họ phải kết hợp việc nhận bảo lãnh với việc đặt một số tiền để xung vào công quỹ Nhà nước khi có vi phạm xảy ra để họ cam kết bảo đảm chi phí việc truy bắt. Mặt khác, bảo lãnh cũng là một vấn đề của xã hội, xem xét nó như là một sự nương tựa, "ô che" nếu bản thân bị can, bị cáo được người có chức, có quyền đứng ra bảo lãnh hoặc là con, cháu của những người có chức vụ quyền hạn trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội.

- Hạn chế, thiếu sót đối với biện pháp đặt tiền hoặc tài sản để đảm bảo áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

+ Những tồn tại, vướng mắc về mặt pháp lý: Đây là chế định mới trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam. Điều luật chưa chỉ ra một cách chính xác về điều kiện áp dụng đối với bị can phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, hoặc rất

ngghiêm trọng có thể áp dụng hay không, do đó cơ quan áp dụng biện pháp này dễ gặp phải vướng mắc khi vận dụng.

Quy định này chỉ áp dụng cho người nước ngoài nên dù sao đi nữa cũng thể hiện sự bất bình đẳng của công dân Việt Nam với người nước ngoài. Pháp luật tố tụng hình sự quy định việc đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm như vậy rất khó xác định giá trị tài sản cần thiết, đồng thời sự biến đổi tỷ giá đồng tiền Việt Nam với ngoại tệ thông dụng cũng gặp khó khăn, phức tạp. Hơn nữa để có căn cứ xác định quyền sở hữu hợp pháp về tiền hoặc tài sản của bị can là rất khó khăn phức tạp.

+ Vướng mắc trong hoạt động thực tiễn áp dụng: Việc áp dụng đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm sự có mặt của bị can trong quá trình giải quyết vụ án là cần thiết, song việc định giá giá trị tài sản là thiếu căn cứ, chẳng hạn việc đặt một tài sản lớn nhưng chưa hẳn là có giá trị, thực chất tài sản đó họ đã khấu hao hết, thì khi đó ta sẽ phải quản lý một khối tài sản cũ nát, không có giá trị... do vậy phải xác định được giá trị của tài sản mà họ đem đặt. Nên chăng, cần quy định một cách cụ thể là khi bảo lãnh tài sản đặt có giá trị tương ứng với bao nhiêu năm, bao nhiêu tháng tù, hoặc tạm giam trong thời hạn 4 tháng thì tài sản đặt phải là bao nhiêu? Vấn đề này luật chưa quy định cụ thể.

Đối với người chưa thành niên phạm tội, việc đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm sự có mặt của bị can khi có giấy triệu tập của Cơ quan điều tra thuộc về bị can hay cha, mẹ của bị can? Đây là vấn đề cần phải được quy định cụ thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng, đảm bảo yêu cầu về điều tra đối với vụ án do người nước ngoài chưa thành niên gây ra.

Kết luận chương 2

Qua nghiên cứu chương 2 của đề tài với tên gọi “Quy định của pháp luật và thực trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội” có thể rút ra các kết luận sau:

Một là, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã có những quy định cụ thể về biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Theo đó, các biện pháp này được quy định có sự dẫn chiếu đến sáu biện pháp ngăn chặn được quy định trong BLTTHS như áp dụng với người đã thành niên.

Hai là, nghiên cứu thực trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy việc áp dụng biện pháp này đã đảm bảo yếu tố chặt chẽ, góp phần phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện.

Ba là, việc áp dụng đã đảm bảo tuy nhiên việc áp dụng này vẫn còn những hạn chế, bất cập nhất định thể hiện ở quy định của pháp luật tố tụng hình sự về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội, thể hiện ở thực tiễn áp dụng còn nhiều vướng mắc cần phải hoàn thiện hơn.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội

Tổng kết thực tiễn hơn 10 năm thi hành đã khẳng định vai trò quan trọng của BLTTHS năm 2003 trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Mặc dù vậy, thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003 cũng bộc lộ những vướng mắc, bất cập: “...Còn thiếu một số quyền quan trọng bảo đảm cho người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bào chữa thực hiện tốt việc bào chữa, gỡ tội; (3) Quy định về căn cứ tạm giam còn định tính đang là nguyên nhân dẫn đến việc lạm dụng tạm giam trong thực tiễn; quy định về một số biện pháp cưỡng chế tố tụng còn chưa đầy đủ và cụ thể, thiếu cơ chế ràng buộc trách nhiệm trong trường hợp người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật... Bộ luật hiện hành mới chỉ quy định thủ tục áp dụng cho người chưa thành niên phạm tội, chưa quy định thủ tục cho người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng; thiếu các biện pháp bảo vệ người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác...” [58].

Do đó, ngày 27/11/2015 Quốc hội khóa 12 đã thông qua Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, với những sửa đổi, bổ sung rất toàn diện, căn bản về thủ tục tố tụng, trong đó có thủ tục tố tụng với người chưa thành niên đặc biệt là áp dụng các biện pháp ngăn chặn với người chưa thành niên phạm tội.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung, sửa đổi một cách căn bản quy định về việc bắt, tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi phạm tội từ nguyên tắc chung, căn cứ, điều kiện áp dụng từng trường hợp cụ thể so các quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Đây là đòi hỏi tất yếu của yêu cầu thực hiện Công ước quốc tế về quyền trẻ em, thể hiện rõ nét chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước ta trong xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Cụ thể:

- Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp áp giải đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết và việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam chỉ trong trường hợp khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả. Trong khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn cần phải lưu ý thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi chỉ bằng 2/3 thời hạn tạm giam đối với người đủ tuổi 18 trở lên (khoản 1 Điều 419 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015).

- Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã xác định rõ căn cứ, điều kiện cụ thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các trường hợp sau:

+ Người đủ từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ có thể bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015 nếu có căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã và các căn cứ tạm giam quy định tại các điều 110, 111, 112 và điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Khoản 2 Điều 419).

+ Người đủ từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu có căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã và các căn cứ

tạm giam quy định tại các Điều 110, 111, 112 và các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Khoản 3 Điều 419).

+ Đối với bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm thì cũng có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã (Khoản 4 Điều 419).

- Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cũng đã bổ sung quy định rõ trong thời hạn 24 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam thì người ra các lệnh trên phải thông báo cho người đại diện của họ biết (khoản 5 Điều 419).

Tuy nhiên, theo chúng tôi, để BLTTHS năm 2015 được tiếp tục hoàn thiện hơn, đặc biệt là quy định liên quan đến biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội thì các quy định này cần phải sửa đổi, bổ sung theo hướng sau:

** Đối với biện pháp bắt người:*

Pháp luật tố tụng hình sự của chúng ta quy định việc bắt người ở ba trường hợp đó là:

- Bắt bị can, bị cáo để tạm giam (Điều 81 BLTTHS)

- Bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã (Điều 82 BLTTHS)

Các điều luật này đã xác định những căn cứ áp dụng, đối tượng bị áp dụng, thẩm quyền quyết định việc áp dụng và thủ tục tiến hành... Đây là căn cứ, cơ sở cho quá trình áp dụng các điều luật song nhận thấy còn có một số vấn đề chưa hợp lý cần có sự điều chỉnh cho phù hợp:

- Trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam: Đây là một chế định chứa đựng cùng một lúc cả hai biện pháp ngăn chặn mà BLTTHS quy định đó là biện pháp bắt và biện pháp tạm giam. Bắt người là tước bỏ quyền tự do về thân thể, tạm giam nghĩa là đưa bị can, bị cáo đến nơi giam giữ để họ không

trốn, không có điều kiện để thực hiện tội phạm đồng thời tạo điều kiện cho việc điều tra truy tố, xét xử và thi hành án.

- Trường hợp bắt người phạm tội quả tang: BLTTHS quy định việc bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã ở đây luật đã thể hiện tư tưởng khuyến khích, động viên quần chúng nhân dân tham gia vào hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp này trong thực tế quần chúng nhân dân là người trực tiếp phát hiện, bắt giữ tội phạm chiếm tỷ lệ rất cao. Thực tế người dân khi tham gia bắt người phạm tội quả tang có thể bị đối tượng chống lại hoặc vì sự tức giận người dân có thể gây sự tổn hại cho sức khỏe, tính mạng của người bị bắt. Trường hợp này người tham gia vào việc bắt có thể phải chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy để tiếp tục duy trì và khuyến khích người dân tích cực tham gia vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nên chẳng phải có thêm quy định trong điều 82 BLTTHS là: "Người tham gia vào việc bắt không được gây thiệt hại vượt quá giới hạn cần thiết cho người bị bắt".

Một vấn đề nữa đặt ra đó là khi xuất hiện các dấu hiệu quy định trong BLTTHS thì: "Bất kì người nào cũng có quyền bắt và tước vũ khí của người bị bắt". Việc bắt người phạm tội quả tang mang tính cấp bách, không thể chậm trễ mà phải bắt ngay không có điều kiện, thời gian để xác minh nhân thân, độ tuổi của người bị bắt, điều này có thể dẫn tới vi phạm quy định tại Điều 303 của BLTTHS.

- Đối với quy định việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp: mặc dù có nhiều ý kiến xung quanh chế định này, thực tiễn áp dụng đã góp phần tích cực vào việc ngăn chặn, tấn công, trấn áp kịp thời, không để sót lọt tội phạm. Song những năm qua việc thực hiện chế định này cũng tồn tại và bộc lộ nhiều sai sót khi bắt oan, sai, bắt người không đáng bắt, lạm dụng việc bắt khẩn cấp dẫn đến vi phạm các quyền, lợi ích của công dân làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan thực thi pháp luật. Thực tế đã có ý kiến đề nghị bỏ chế định này

vì nó hay vấp phải những sai sót như trên đồng thời cho rằng chế định này không phù hợp với tính chất công khai trong tố tụng hình sự.

** Đối với chế định tạm giữ*

Trong vấn đề này, hoạt động của các đơn vị cơ sở như Công an các huyện, thành phố vừa có chức năng của Cơ quan điều tra vừa có chức năng quản lý hành chính nên cùng chủ thể đó vừa có quyết định tạm giữ trong tố tụng hình sự và vừa có quyết định tạm giữ hành chính. Vấn đề này dễ bị lẫn lộn và thiếu sự phân định cụ thể nên dễ dẫn đến việc tạm giữ quá hạn. Vì vậy, cần có quy định cụ thể ở các cấp này phải có nhà tạm giữ riêng, quy định rõ phòng tạm giữ người vi phạm hành chính với nhà tạm giữ trong tố tụng hình sự.

Theo quy định của BLTTHS thì thời hạn tạm giữ tối đa là 9 ngày. Trong khoảng thời gian này, cơ quan ra quyết định tạm giữ phải xác minh làm rõ các vấn đề có liên quan để quyết định các biện pháp tiếp theo. So với quy định này việc bắt người có quyết định truy nã và tạm giữ họ xem ra thời hạn trên chưa hợp lý, vì thông thường người bị truy nã thường tìm cách trốn đi xa khỏi địa phương. Đến khi đơn vị địa phương khác bắt được họ phải tạm giữ và thông báo cho cơ quan đã ra quyết định truy nã để biết và đến nhận, song vì những lý do khác nhau có thể trong 9 ngày cơ quan này chưa đến nhận được thì việc tạm giữ có thể coi là vi phạm quy định về tạm giữ.

** Đối với chế định tạm giam*

Việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với những người có hành vi phạm tội thuộc lứa tuổi này là rất cần thiết để kịp thời ngăn chặn tội phạm. Nhiều người thuộc lứa tuổi từ 14 đến dưới 16 phạm tội nghiêm trọng do cố ý nhưng theo quy định tại Điều 303 BLTTHS thì không được tạm giam mà phải để tại ngoại để điều tra. Quy định như vậy sẽ tạo điều kiện cho những người này cản trở điều tra, che giấu tội phạm, tiêu huỷ vật chứng của vụ án. Do vậy, đối với những người này nếu là bị can của vụ án, cần sửa đổi, bổ sung theo hướng là nếu bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc đã được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác như cho bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng lại tiếp tục

phạm tội hoặc cố ý gây cản trở cho việc điều tra, truy tố, xét xử thì sẽ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

** Đối với chế định cấm đi khỏi nơi cư trú*

Khoản 1 Điều 91 BLTTHS năm 2003 mới chỉ quy định điều kiện đối với bị can, bị cáo có thể được áp dụng biện pháp ngăn chặn này là có nơi cư trú rõ ràng nhằm đảm bảo có sự quản lí của chính quyền địa phương. Trường hợp bị can, bị cáo cố ý định bỏ trốn thì chính quyền địa phương nơi người đó cư trú khó có thể quản lí và ngăn chặn được, do đó cần phải lưu ý thêm về điều kiện nhân thân của bị can, bị cáo. Vì lẽ đó, cần phải quy định cụ thể hơn về điều kiện nhân thân bị can và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị can, bị cáo để quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn này.

Trong trường hợp người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn này là bị can, bị cáo vi phạm lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, điều luật còn quy định chung chung là sẽ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác. Như vậy đã tạo ra sự tùy tiện cho những người có thẩm quyền áp dụng.

** Đối với chế định bảo lãnh và đặt tiền hoặc tài sản để đảm bảo*

Về nguyên tắc hoạt động trong tố tụng hình sự đó là sự khách quan, vô tư, nhưng ở đây biện pháp bảo lãnh lại cho phép các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân vì lợi ích của mình đứng ra bảo lãnh cho bị can, bị cáo. Thực chất của biện pháp này là tạo điều kiện cho cá nhân, cho tổ chức xã hội tham gia vào hoạt động tố tụng mà trực tiếp là việc cảm hóa, giáo dục người có hành vi phạm tội. Do vậy, người đứng ra bảo lãnh phải là người có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, đủ khả năng quản lí, giáo dục bị can, bị cáo nhằm để tránh tình trạng vi phạm các nghĩa vụ cam kết. Tuy vậy trong quy định của điều luật không đề cập đến trách nhiệm gì của họ khi có vi phạm xảy ra.

Theo quan điểm của tác giả để hoàn thiện chế định này thì nên quy định và gắn trách nhiệm của người đứng ra bảo lãnh cho bị can, bị cáo trong điều luật. Cụ thể, người bảo lãnh phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất do có vi phạm nghĩa vụ cam kết, phải trả toàn bộ khoản tiền cho việc truy bắt nếu

người được bảo lãnh bỏ trốn... Quá trình nhận bảo lãnh nếu phải đặt một số tiền để bảo đảm trách nhiệm vật chất của họ nếu khi có vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan thì số tiền đó sẽ bị xung vào công quỹ Nhà nước.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.2.1. Giải pháp về nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội

Hiệu quả áp dụng biện pháp ngăn chặn là kết quả của việc kết hợp một hệ thống pháp luật hoàn thiện với việc vận dụng các quy phạm này trong thực tiễn áp dụng. Đây là hai mặt của một vấn đề, sự chưa hoàn chỉnh của pháp luật hay sự phân công, bố trí cán bộ không hợp lý của các cơ quan THTT chính là nguyên nhân dẫn đến sự hạn chế trong thực tiễn áp dụng. Vì vậy, song song với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật cũng cần phải giải quyết tốt vấn đề nâng cao trình độ, kỹ năng đội ngũ cán bộ có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên.

Không ngừng nâng cao trình độ pháp luật của đội ngũ cán bộ có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên thông qua các hình thức đào tạo như bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn... với những nội dung thiết thực, bổ ích gắn với yêu cầu của thực tiễn. Đặc biệt là chú ý đến việc bồi dưỡng tri thức pháp luật có liên quan đến việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong TTHS nhằm hạn chế đến mức thấp nhất và tiến tới loại bỏ tình trạng vi phạm quy định của pháp luật. Trong phạm vi toàn quốc, cần thiết phải có sự phối hợp giữa Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao để có kế hoạch bồi dưỡng cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán về kiến thức, kỹ năng áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên.

Cơ quan điều tra là cơ quan trực tiếp áp dụng các biện pháp ngăn chặn

đối với người chưa thành niên phạm tội. Vì vậy, phải tăng cường số lượng điều tra viên, nâng cao chất lượng công tác của đội ngũ điều tra viên trong các cơ quan cảnh sát điều tra cấp tỉnh và cấp huyện. Bồi dưỡng nâng cao trình độ pháp luật, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ điều tra, chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao tỷ lệ có trình độ đại học trong đội ngũ điều tra viên. Tăng cường công tác kiểm tra đối với đội ngũ điều tra viên, kiên quyết xử lý hoặc thanh lọc những người có sai phạm thoái hóa biến chất.

Đối với Viện kiểm sát nhân dân, để nâng cao chất lượng hoạt động thực hiện quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án đối với người chưa thành niên phạm tội, cần lựa chọn các kiểm sát viên có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác, nghiệp vụ chắc chắn và hiểu biết tâm lý học và khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên để giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến người chưa thành niên phạm tội.

Đối với Tòa án, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân cần được đào tạo và bồi dưỡng để nâng cao năng lực của Thẩm phán và Hội thẩm một cách chuyên nghiệp về nghiệp vụ xét xử và có kiến thức về tâm lý học và khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên trong hoạt động xét xử.

Các cơ quan THTT cần đầu tư thời gian, kinh phí cho hoạt động tổng kết thực tiễn nhằm hướng tới việc bảo đảm pháp chế trong hoạt động tố tụng nói chung cũng như trong hoạt động tố tụng các vụ án người chưa thành niên phạm tội nói riêng. Thường xuyên báo cáo, tổng kết thực tiễn các hoạt động bắt, tạm giam, tạm giữ đối với người chưa thành niên vì đây là hoạt động tố tụng có ảnh hưởng tới quyền của trẻ em, của người chưa thành niên.

3.2.2. Giải pháp về nâng cao vai trò của người bào chữa trong đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên trong áp dụng biện pháp ngăn chặn

Theo Luật TTHS, các cơ quan THTT có nghĩa vụ yêu cầu luật sư bào chữa cho bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong một số giai đoạn tố tụng. Nghĩa là khi người chưa thành niên bị khởi tố hình sự thì dù bị can hoặc

gia đình không mời luật sư hoặc người bào chữa khác, thì cơ quan THTT cũng phải yêu cầu đoàn luật sư cử luật sư bào chữa cho bị can. Nếu không yêu cầu, sẽ bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bào chữa cho người chưa thành niên phạm tội là một nhiệm vụ khó khăn và đòi hỏi người bào chữa ngoài việc am hiểu pháp luật một cách chặt chẽ còn phải có một kiến thức về tâm lý, kiến thức xã hội và kinh nghiệm sống nữa.

Kể từ khi được cấp giấy chứng nhận bào chữa, luật sư sẽ được tham dự vào các buổi lấy lời khai của người chưa thành niên bị tạm giữ (hay tại ngoại), tham dự vào hoạt động hỏi bị can, đối chất giữa các bị can, lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, thực nghiệm điều tra, trao đổi đề xuất với cơ quan THTT. Khi tham gia vào các hoạt động trên, luật sư, người bào chữa không những sẽ tìm ra những chứng cứ có lợi cho người chưa thành niên phạm tội, mà còn theo dõi, kiểm tra các hành vi, hoạt động của các cơ quan THTT. Nếu phát hiện thấy có sự vi phạm pháp luật, luật sư, người bào chữa sẽ có những yêu cầu, kiến nghị, đề xuất kịp thời để bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, hạn chế oan sai ngay từ đầu. Lời bào chữa của luật sư là hết sức quan trọng, bởi đó chính là sự đánh giá đối với hành vi mà bị cáo gây ra, đồng thời cũng thể hiện quan điểm của Luật sư trong việc đề nghị xử lý, giải quyết vụ án.

Trong những năm qua, đã có rất nhiều luật sư, người bào chữa đã làm tốt vai trò của mình trong khuôn khổ pháp luật quy định. Tuy nhiên, cũng còn nhiều luật sư, người bào chữa chưa có đủ lập luận, luận cứ bào chữa chưa thuyết phục, chưa đưa ra được những căn cứ để bác bỏ quan điểm của những người THTT. Hạn chế đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân: *thứ nhất*, do trình độ của luật sư, người bào chữa còn nhiều hạn chế, nhiều luật sư chỉ có kinh nghiệm thực tiễn mà chưa có trình độ chuyên môn nghề nghiệp; *thứ hai*, do quy định của pháp luật vẫn chưa thực sự chặt chẽ, như việc quy định cho người bào chữa có thể tham gia tố tụng ngay từ khi có người bị tạm giữ, khi lấy lời khai của bị can là người chưa thành niên phạm tội phải có đại diện hợp

pháp của họ tham dự; thủ tục để người bào chữa có thể tham gia còn gặp rất nhiều trở ngại do phía Cơ quan điều tra gây ra...; *thứ ba*, do nhận thức pháp luật của một số người THPT về mở rộng tranh tụng là không đầy đủ. Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn tham gia tranh tụng của luật sư, có thể thấy rằng một số quy định của pháp luật khi vận dụng vào thực tiễn còn có sự bất cập, chưa phù hợp hoặc khó thực hiện trên thực tế.

Muốn phát huy vai trò của luật sư, người bào chữa trong việc thực thi các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội thì đòi hỏi phải có sự sửa đổi, bổ sung kịp thời một số quy định trong BLTTHS hiện hành. Bên cạnh đó, tăng cường đội ngũ luật sư cả về số lượng cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ, không ngừng học hỏi cập nhật kiến thức pháp luật thường xuyên. Ngoài ra, các cơ quan THPT cũng tạo điều kiện để luật sư, người bào chữa có thể tiếp cận vụ án ngay từ đầu, góp phần bảo vệ tốt hơn nữa quyền lợi của người chưa thành niên.

3.2.3. Giải pháp về tăng cường công tác thanh tra, chỉ đạo trong áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội

Thực hiện tốt công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất với các hoạt động áp dụng biện pháp ngăn chặn trong TTHS của các ngành, các lực lượng, các đơn vị có thẩm quyền. Thường xuyên kiểm sát các trình tự, thủ tục tố tụng, các căn cứ pháp luật trong hồ sơ bị tạm giữ, tạm giam để phát hiện vi phạm, thiếu sót, thông qua đó kịp thời ban hành các văn bản kiến nghị yêu cầu cơ quan THPT, trại giam và các nhà tạm giữ rút kinh nghiệm, khắc phục kịp thời.

Tăng cường kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam đối tượng với từng trường hợp cụ thể. Trước khi phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam Viện trưởng Viện kiểm sát phải giao cho kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ, xem xét nghiên cứu và đề xuất đối chiếu với pháp luật, Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn.

Chú trọng đúng mức đến việc giải quyết các đơn thư khiếu nại tố cáo về sai phạm của cơ quan chức năng trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn

để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và công dân. Phải coi việc tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại tố cáo của các công dân về vấn đề này một trong các biện pháp khắc phục những nhược điểm trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn người chưa thành niên phạm tội, phát hiện được các hành vi vi phạm pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn.

3.2.4. Giải pháp về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các biện pháp ngăn chặn thông qua các phương tiện thông tin đại chúng

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về các biện pháp ngăn chặn là hoạt động truyền đạt, giải thích rộng rãi đến mọi tầng lớp dân cư, mọi lứa tuổi để mọi người biết các quy định của pháp luật, vận động họ tuân thủ pháp luật một cách tự giác. Vì vậy, coi biện pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật về các biện pháp ngăn chặn nói riêng là biện pháp cơ bản thường xuyên. Có ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn này.

Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền này, thì các phương tiện thông tin đại chúng chính là công cụ hữu hiệu nhất. Vì báo chí, đài phát thanh, truyền hình chính là tiếng nói của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nó có vai trò và ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống xã hội hiện nay. Đội ngũ phóng viên các báo, đài là những người có kinh nghiệm thực tế, có thể đi sâu, đi sát mọi vấn đề. Qua đó, họ có thể phát hiện việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trong các vụ án có đúng không? Thông qua các bài báo đưa tin, họ giúp các cơ quan THTT xem xét, điều chỉnh các quyết định, kể cả các quyết định không đúng pháp luật. Tiếng nói của báo chí, phát thanh, truyền hình sẽ tạo nên dư luận xã hội, góp phần ảnh hưởng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Muốn nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thì các báo chí, đài phát thanh, truyền hình nên có chuyên mục phổ biến pháp luật, trong đó có nội dung tuyên truyền về việc áp dụng các biện

pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội; cần phải đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho các phóng viên, biên tập viên chuyên mục phổ biến pháp luật của các báo, đài phát thanh, truyền hình địa phương.

Khi nhân dân hiểu biết về pháp luật thì có thể giám sát được việc làm của các cơ quan bảo vệ pháp luật đồng thời hạn chế được những tình huống trong thực tế đã xảy ra như bắt người phạm tội quả tang, tránh có hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị bắt.

Kết luận chương 3

Qua nghiên cứu chương 3 của luận văn với tên gọi “Hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự” có thể rút ra các kết luận sau:

Một là, việc hoàn thiện pháp luật phải dựa trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trên thực tiễn áp dụng pháp luật. Qua nghiên cứu chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp được đề ra tại mục 3.1 của luận văn, các giải pháp này bao gồm hoàn thiện BLTTHS năm 2003 và giải pháp về hướng dẫn áp dụng pháp luật.

Hai là, về giải pháp tăng cường hiệu quả áp dụng cho thấy, cần thiết phải nâng cao hiệu quả áp dụng quy định này, cần phải tăng cường sự chỉ đạo điều hành của các cơ quan tư pháp cấp trên, tăng cường quan hệ phối hợp công tác giữa các cơ quan tư pháp, tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị cho hoạt động điều tra tội phạm người chưa thành niên.

KẾT LUẬN

Các biện pháp ngăn chặn là một bộ phận hợp thành quan trọng trong hệ thống các biện pháp cưỡng chế TTHS, là công cụ phương tiện hữu hiệu để các cơ quan THTT hình sự áp dụng trong điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Thực tiễn áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn thành phố Hà Nội vừa qua đã tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTHS năm 2003, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống và ngăn chặn tội phạm.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đã đạt được, quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội đã bộc lộ một số tồn tại thiếu sót, ảnh hưởng đến quá trình tố tụng, đến quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, đến uy tín của các cơ quan tố tụng. Những tồn tại này do rất nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do nhận thức của những người THTT. Trước yêu cầu đổi mới toàn diện của đất nước nói chung và diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng, đòi hỏi phải không ngừng nâng cao kiến thức pháp luật và nghiệp vụ của người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn, để khắc phục những nguyên nhân, tồn tại trong quá trình áp dụng. Đồng thời tìm ra những hạn chế, thiếu sót để kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao trong thực tiễn hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

Luận văn đã nghiên cứu và làm rõ thực trạng áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn Hà Nội, chỉ ra những vướng mắc, hạn chế trong quá trình áp dụng những biện pháp này trong những năm gần đây và nguyên nhân của nó.

Trên cơ sở đó, chúng tôi đã cố gắng đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các quy định của pháp luật TTHS về các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội như hoàn thiện pháp luật; nâng cao chất lượng và kỹ năng thực tiễn áp dụng đội ngũ cán bộ có thẩm quyền THTT; phát huy vai trò của người bào chữa, luật sư trong hoạt động bảo vệ người chưa thành niên bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn và một số giải pháp khác.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo thi hành Bộ luật hình sự (2000), *Tài liệu Tập huấn chuyên sâu về Bộ luật hình sự năm 1999*, Nhà in Bộ Công an, Hà Nội.
2. Vũ Ngọc Bình (1997), *Những điều cần biết về quyền trẻ em*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Vũ Ngọc Bình (1997), *Tư pháp người chưa thành niên và quyền trẻ em*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Mai Bộ (1997), *Những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ Công an (1998), *Chỉ thị số 11/1998/CTBCA(V11) ngày 5/8/1998 về tăng cường chỉ đạo công tác bắt, tạm giữ, tạm giam và thi hành án phạt tù trong tình hình mới*, Hà Nội.
6. Bộ Công an (1998), *Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*, Hà Nội.
7. Bộ Công an (2000), *Từ điển Nghiệp vụ Công an nhân dân*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp (1997), *Các tội phạm tham nhũng, ma túy và các tội phạm về tình dục đối với người chưa thành niên*, Hà Nội.
9. Bộ Tư pháp - Bộ Công an - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 11/11/2013 về hướng dẫn đặt tiền hoặc tài sản để đảm bảo theo quy định Điều 93 của BLTTHS*, Hà Nội.
10. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung Luật hình sự*, tập III, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Lê Cẩm (Chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. (Tái bản lần thứ nhất - 2003).
12. Các bộ luật An Nam (1992), Nhà xuất bản Đông Dương, Hà Nội.
13. Lê Văn Cẩm (Chủ biên) (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
14. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt*

- Nam, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
15. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
 16. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 89/1998/NQ-CP ngày 7/11/1998 ban hành quy chế tạm giữ, tạm giam*, Hà Nội.
 17. Đỗ Bá Cỡ (2000), *Hoạt động của lực công an nhân dân trong phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội trong tình hình hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
 19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
 20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
 21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 22. Nguyễn Văn Điệp (2005), *Các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam. Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
 23. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2001), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 24. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (1999), "Thuật ngữ Luật hình sự", Trong sách: *Từ điển Giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 25. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển Pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
 26. Học viện Cảnh sát nhân dân (2002), *Giáo trình Một số vấn đề tâm lý học nghiệp vụ*, tập 1, Hà Nội.
 27. Học viện Cảnh sát nhân dân (2002), *Giáo trình Một số vấn đề tâm lý học nghiệp vụ*, tập 2, Hà Nội.

28. Học viện Cảnh sát nhân dân (2005), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
29. Hội đồng bộ trưởng (1992), *Nghị quyết 149/HĐBTTTHS ngày 5/5/1992 về chế độ tạm giữ, tạm giam*, Hà Nội.
30. Trần Minh Hương (2007), *Tìm hiểu hình phạt và các biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
31. Vũ Đức Khiêu (Chủ biên) (1998), *Phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
32. Hoàng Thế Liên (1996), *Bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
33. Liên hợp quốc (1989), *Công ước về quyền trẻ em*.
34. Ưông Chu Luru (Chủ biên) (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (Phần chung)*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Nguyễn Vạn Nguyên (1995), *Các biện pháp ngăn chặn và những vấn đề nâng cao hiệu quả của chúng*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Trần Đình Nhã (1996), *Nguyên nhân, điều kiện, tình trạng người chưa thành niên phạm tội và một số biện pháp phòng ngừa, bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
37. Những văn bản của Nhà nước về an ninh trật tự (1988), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
39. Quốc hội (1988), *BLTTHS*, Hà Nội.
40. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
41. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
42. Quốc hội (2000), *Luật hôn nhân và gia đình*, Hà Nội.
43. Quốc hội (2003), *BLTTHS*, Hà Nội.
44. Quốc hội (2004), *Luật bảo vệ và chăm sóc, giáo dục trẻ em*, Hà Nội.
45. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
46. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
47. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động*, Hà Nội.
48. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
49. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội

50. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội
51. Nguyễn Sơn (2002), *Các hình phạt chính trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
52. Hoàng Thị Sơn, Bùi Kiên Điện (1999), *Những nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
53. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1994), *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
54. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam (Quyển I - Những vấn đề chung)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
56. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
57. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Tư pháp - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2011), *Thông tư liên tịch của số 01/2011/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH về hướng dẫn thi hành một số qui định của BLTTHS đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên*, Hà Nội.
58. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Tài liệu tập huấn Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội
59. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2012), *Báo cáo công tác năm 2012 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*, Hà Nội
60. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2013), *Báo cáo công tác năm 2013 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*, Hà Nội
61. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2014), *Báo cáo công tác năm 2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*, Hà Nội
62. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2015), *Báo cáo công tác năm 2015 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*, Hà Nội
63. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2016), *Báo cáo công tác năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*, Hà Nội
64. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý (1995), *Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

65. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
66. Trịnh Tiến Việt, Nguyễn Thanh Hải (2010), *Tội gây rối trật tự công cộng trong luật hình sự Việt Nam*,(Sách chuyên khảo), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
67. Võ Khánh Vinh (1994), *Tội phạm học, Luật hình sự và tổ tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
69. Võ Khánh Vinh (2003), *Lợi ích xã hội và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
70. Trương Quang Vinh (2002), "Chương 12 - Trách nhiệm hình sự và hình phạt". Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
71. Vụ pháp chế - Bộ công an (1998), *Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bắt người, tạm giữ, tạm giam và thi hành án phạt tù hoặc tử hình*, Hà Nội.
72. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
73. Nguyễn Xuân Yêm (2004), *Thanh thiếu niên phạm tội - trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.